**BÀI 2: VẺ ĐẸP CỔ ĐIỂN**

**A. MỤC TIÊU CHUNG BÀI 2**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

- Nhận biết và phân tích được tình cảm cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản

- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét dặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

- Biết yêu quý, trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống

|  |
| --- |
| **BÀI 2: VẺ ĐẸP CỔ ĐIỂN**  - Ôn tập văn bản Thu điếu  - Thực hành tiếng Việt: Từ tượng hình và từ tượng thanh.  - Ôn tập văn bản Thiên Trường vãn vọng  - Thực hành tiếng Việt: Nhận diện đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ.  - Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (Bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)  - Ôn tập văn bản: Ca Huế trên sông Hương  - Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (Một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại)  (Các văn bản Đọc - Hiểu bổ sung nhiều Phiếu học tập với các ngữ liệu trong và ngoài SGK theo cấu trúc chuẩn nhất của Bộ GD gồm 8 câu hỏi trắc nghiệm + Kết hợp với hai câu tự luận) |

**ÔN TẬP VĂN BẢN THU ĐIẾU**

*(Mùa thu câu cá - Nguyễn Khuyến)*

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học như được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình trúc nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực nhận biết được một số yếu tố thi luận của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyết Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống.

**B. NỘI DUNG**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Thể thơ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Khái niệm** | - Thơ Đường luật là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) ra đời từ thời nhà Đường Trung Quốc (618 - 907), gồm hai thể chính là thất ngôn bát cú Đường luật và thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, trong đó thất ngôn bát cú (mỗi câu thơ có 7 tiếng, mỗi bài thơ có 8 câu) được xác định là dạng cơ bản nhất. Bài thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hoà thanh (phổi hợp, điều hoà thanh điệu), về niêm, đối, vần và nhịp. Ngôn ngữ thơ Đường luật rất cô đọng, hàm súc, bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình, ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn... |
| **2. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật**  **a. Về bố cục:** | **-** Bài thơ thất ngôn bát cú gồm bốn cặp câu thơ, tương ứng với bốn phần: *đề* (triển khai ý ẩn chứa trong nhan đề), *thực* (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng được bài thơ đề cập), *luận* (luận giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), *kết* (thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới). Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối. |
| **b. Về niêm và luật bằng trắc:** | - Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: Nếu chữ này là thanh bằng thì bải thơ thuộc *luật bằng,* là thanh trắc thì bài thơ thuộc *luật* trắc. Trong mồi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau đảm bảo sự hài hoà. cân bằng, luật quy định ở chữ thứ 2, 4, 6, trong mối cặp câu *(Hèn),* các thanh bằng, trắc phải ngược nhau. Về niêm, hai cặp câu liền nhau được “dính” theo nguyên tắc: Chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh. |
| **c. Về vần và nhịp** | Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo một vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt. Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.  + Về đối: Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận. (Câu 3-4 và 5-6) |

**II. Tác giả - tác phẩm**

**1.  Tác giả:**

|  |  |
| --- | --- |
| (1835- 1909) hiệu là Quế Sơn, lúc nhỏ tên là Thắng sau đổi thành Nguyễn Khuyến  - Quê quán: Làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam  - Hoàn cảnh xuất thân: Trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống khoa bảng - ảnh hưởng đến Nguyễn Khuyến  - Bản thân: Thông minh, chăm chỉ, đỗ đạt cao (Đỗ đầu cả 3 kì thi Hương, Hội, Đình => Tam nguyên Yên Đổ)  - Cuộc đời làm quan hơn 10 năm không màng danh lợi, không hơp tác với kẻ thù sau đó về ở ẩn tại quê nhà  => Nguyễn Khuyến là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân, kiên quyết không hợp tác với kẻ thù. |  |

**III. Phân tích văn bản**

**1. Hai câu đề:**

- Giới thiệu mùa thu với hai hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối hài hoà *ao thu, chiếc thuyền câu* bé tẻo teo, bộc lộ rung cảm của tâm hồn thi sĩ trước cảnh đẹp mùa thu. Và của tiết trời mùa thu, gợi cảm giác lạnh lẽo, yên tĩnh lạ thường.

+ Hình ảnh: Chiếc thuyền câu bé tẻo teo => rất nhỏ (chú ý cách sử dụng từ láy và cách gieo vần “eo” của tác giả)

+ Từ ngữ: lẽo, veo, teo...có độ gợi cao

- Cũng từ ao thu ấy tác giả nhìn ra mặt ao và không gian quanh ao => đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

- GV: Trong bài thơ "Câu cá mùa thu", cảnh thu được cảm nhận từ gần đến cao xa, rồi từ cao xa trở lại gần: từ chiếc thuyền câu nhìn ra mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ trúc rồi lại trở về với ao thu, với thuyền câu.

- Từ điểm nhìn ấy, cảnh thumở ra nhiều hướng thật sinh động.

- Các từ ngữ tả màu sắc: nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt tả đường nét: Sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng.  Hiệu quả nghệ thuật của những từ ngữ đó là: Tạo không khí mùa thu dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật làng quê Bắc Bộ nói riêng, nông thôn Việt Nam nói chung.

**2. Hai câu thực:**

- Tiếp tục nét vẽ về mùa thu với hình ảnh sóng biếc gợn thành hình, lá vàng rơi thành tiếng, gợi vẻ tĩnh lặng của mùa thu.

 +Mặt ao - sóng biếc - nước mặt ao phản chiếu màu cây màu trời trong xanh một màu

 - hơi gợn tí - chuyển động rất nhẹ => sự chăm chú quan sát của tác giả

+Hình ảnh “Lá vàng......” đặc trưng tiêu biểu của mùa thu. “khẽ đưa vèo” - chuyển động rất nhẹ rất khẽ => Sự cảm nhận sâu sắc và tinh tế.

Giáo viên:Bài thơ*"Câu cá mùa thu"* nói chuyện câu cámà thực ra người đi câu cá không chú ý gì vào việc câu cá. Nói câu cá nhưng thực ra là đón nhận trời thu, cảnh thu vào lòng. Cái dáng *vèo*của lá vàng dường như xuất hiện lạc lõng nhưng nó lại rất hợp với cái tâm sự thời thế của nhà thơ- một sự đau buồn trước sự thay đổi quá nhanh chóng của thời thế. Cái thế ngồi bó gối ôm cần đầy tâm trạng của nhà thơ ở hai câu thơ cuối cũng góp phần thể hiện nổi bật tâm sự ấy.

**3. Hai câu luận:**

**-** Không gian của bức tranh thu được mở rộng cả về chiều cao và sâu với nét đặc trưng của cảnh thu đồng bằng Bắc Bộ thanh, cao, trong, nhẹ...

- Không gian mùa thu được mở rộng:

+ Trời xanh ngắt - xanh thuần một màu trên diện rộng => đặc trưng của mùa thu.

+ Tầng mây lơ lửng trên bầu trời => quen thuộc gần gũi, yên bình, tĩnh lặng.

- Khung cảnh làng quê quen thuộc: ngõ xóm quanh co, hàng cây tre, trúc.... => yên ả tĩnh lặng.

GV: Cảnh thu trong bài thơ "Câu cá mùa thu " là cảnh đẹp nhưng tĩnh lặng và đượm buồn vì Không gian trong bài thơ là một không gian tĩnh, vắng người, vắng tiếng: *Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.* Các chuyển động rất nhẹ, rất khẽ không đủ tạo âm thanh: sóng *hơi gợn*, mây *lơ lửng*, lá *khẽ đưa*. Cuối bài thơ có một tiếng động âm thanh duy nhất nhưng lại mơ hồ, khiến cảnh vật càng thêm tĩnh lặng. Không gian đó đã đem đến sự cảm nhận về một nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong tâm hồn nhà thơ.

**4. Hai câu kết:**

Hình ảnh của ông câu cá trong không gian thu tĩnh lặng và tâm trạng u buồn trước thời thế. - Trong cái không khí se lạnh của thôn quê bỗng xuất hiện hình ảnh một người câu cá:

- Tựa gối ôm cần... Cá đâu đớp động.

+ “Buông”: Thả ra (thả lỏng) đi câu để giải trí, để ngắm cảnh mùa thu

+ Tiếng cá “đớp động dưới chân bèo” sự chăm chú quan sát của nhà thơ trong không gian yên tĩnh của mùa thu.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật:**

- Bút pháp thuỷ mặc Đường thi và vẻ đẹp thi trung hữu hoạ của bức tranh phong cảnh;

- Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.

**2. Nội dung.**

Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu, tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của tác giả.

**IV. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập Ngữ liệu Đọc - Hiểu trong và ngoài chương trình**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  *"Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,*  *Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo*  *Sóng nước theo làn hơi gợn tí*  *Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo*  *Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt*  *Ngõ trúc quanh co khách vắng teo*  *Tựa gối buông cần lâu chẳng được*  *Cá đâu đớp động dưới chân bèo"*  *(Trích Thu điếu - Nguyễn Khuyến)*  **Câu 1**. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Nêu phương thức biểu đạt của bài thơ?  **Câu 2.**Bài thơ *“Câu cá mùa thu”* thực ra có phải nói chuyện câu cá hay không? Vì sao?  **Câu 3.** Cách gieo vần trong bài thơ “Câu cá mùa thu” có gì đặc biệt? Cách gieo vần ấy gợi cho ta cảm giác gì về cảnh thu và tình thu?  **Câu 4.** Qua bài thơ “Câu cá mùa thu”, em có cảm nhận như thế nào về tấm lòng của tác giả đối với thiên nhiên, đất nước?  **Câu 5.** Bài thơ “Câu cá mùa thu” được viết trong ngữ cảnh nào?  **Câu 6.**Những từ ngữ nào gợi lên được nét riêng của cảnh sắc mùa thu? Hãy cho biết đó là cảnh thu ở miền quê nào?  **Câu 7.**  Em có nhận xét gì về không gian trong bài thơ qua các chuyển động? (viết 1 đoạn văn ngắn)  **Câu 8.**Nghệ thuật của “Câu cá mùa thu” có gì đặc sắc?  **Câu 9.** Qua bài thơ, em có cảm nhận gì về tấm lòng của nhà thơ nguyễn khuyến với thiên nhiên, đất nước? (viết 1 đoạn văn ngắn) |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1.** Bài thơ “Thu điếu” được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường Luật

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2.** Bài thơ có nhan đề “Câu cá mùa thu” nhưng không chú ý vào việc câu cá mà chú ý đến cảnh thu: những biến đổi tinh tế của cảnh vật, để rồi từ đó thể hiện nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong lòng nhà thơ.

**Câu 3.**Cách gieo vần “eo” độc đáo, kết hợp với những từ ngữ tăng tiến gợi lên bức tranh thu rất thơ mộng rất đặc trưng của đồng bằng Bắc Bộ: không khí trong lành, thoáng mát yên tĩnh, vắng vẻ, đẹp nhưng buồn. Bên cạnh đó còn thấy được tình thu ẩn hiện: mội nỗi đau đời của nhân vật trữ tình.

**Câu 4.** Qua bài thơ ta thấy Nguyễn Khuyến là người vô cùng yêu thiên nhiên, sống hòa mình với thiên nhiên, một con người yêu nước thầm kín- tâm trạng buồn đau trước sự thay đổi của thời cuộc.

**Câu 5.** Bài thơ được viết trong thời gian sau khi cáo quan về ở ẩn tại quê nhà.

**Câu 6**. Những từ ngữ gợi lên nét riêng của mùa thu:

+ Hình ảnh: ao thu lạnh lẽo, nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt, lá vàng…

+ Đường nét, sự chuyển động: sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng…là những nét rất đặc trưng của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ.

**Câu 7.** Nhận xét gì về không gian trong bài thơ qua các chuyển động

      Bài thơ " Câu cá mùa thu" đã cho người đọc thấy rất rõ không gian ngập tràn sắc thu quan từng chuyển động. Bốn câu thơ đầu tả cảnh, một bức tranh phong cảnh rất đẹp với một không gian trong trẻo và tĩnh lặng. Cái gì cũng nhỏ bé, thanh sơ gợi một không gian thật yên bình nhưng cô đơn, vắng lặng. Bức tranh được bao trùm bởi màu xanh: xanh ao, xanh trời, xanh sóng và điểm xuyết sắc vàng của chiếc lá rơi xuống mặt ao. Sự chuyển động, một sự chuyển động rất khẽ: sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng. Không gian trong 4 câu thơ đầu thật nhỏ bé, tĩnh lặng. Đến 4 câu thơ tiếp, không gian rộng, sâu đối lập với mặt ao hẹp, gợn sóng nhẹ và hiu hắt gió, lại cộng thêm với “Ngõ trúc quanh co khách vắng teo” càng khiến cái tĩnh lặng, vắng vẻ bao trùm.

**Câu 8.**Ngôn ngữ giản dị, trong sáng biểu hiện thần thái của sự vật

- Cách gieo vần độc đáo

- Hình ảnh dân dã, quen thuộc nhưng giàu sức biểu cảm

**Câu 9.**Cảm nhận về tấm lòng của nhà thơ nguyễn khuyến với thiên nhiên, đất nước

      Bài thơ tuy miêu tả cảnh thu nhưng sau khi đọc xong ta lại thấy thấp thoáng đâu đó hình ảnh của nhà thơ Nguyễn Khuyến. Đó là hồn thơ nhạy cảm yêu thiên nhiên đất nước. Sự gắn bó và tình yêu thương trìu mến đặc biệt với vùng đồng bằng chiêm trũng, với những ao chuôm nhỏ nhắn, với thuyền câu, lá vàng, ngõ trúc quanh co... đã giúp cho nhà thơ có được những cảm nhận tinh tế về thiên nhiên cũng như giành cho nó tình cảm ưu ái đặc biệt. Ông mong muốn được sống hòa mình với thiên nhiên. Đằng sau đó là tâm sự của một người yeu nước thầm kín, sâu sắc. Hai câu cuối bài thơ đã thể hiện tâm trạng buồn đau trước sự thay đổi của thời cuộc, của đất nước. Có thể nói Nguyễn Khuyến đã nén cả một nhân cách lớn, một hồn thơ lớn một nỗi đau lớn vào tiếng cuốc nhớ nước thảm thiết làm chảy máu cả tâm can người đọc hôm nay.

**PHIẾU HỌC TÂP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  *Trời thu xanh ngắt mấy từng cao*  *Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*  *Nước biếc trông như từng khói phủ*  *Song thưa để mặc bóng trăng vào.*  *Mấy chùm trước giậu, hoa năm ngoái*  *Một tiếng trên không, ngỗng nước nào?*  *Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*  *Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*  *Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*  *Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*  *(Tuyển tập thơ Nguyễn Khuyến, NXB Văn học, 2003, tr. 34)*  **Câu 1.** Xác định thể thơ? Phương thức biểu đạt chính? Đề tài được nói đến trong bài thơ trên là gì?  **Câu 2.** Tìm những hình ảnh gợi tả bức tranh mùa thu.  **Câu 3.** Trong câu thơ “*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*” tác giả sử dụng nghệ thuật nào?  **Câu 4.** Không gian mùa thu được biểu hiện thế nào trong 2 câu thơ:  *Nước biếc trông như từng khói phủ* *Song thưa để mặc bóng trăng vào.*  **Câu 5.** Qua các hình ảnh về mùa thu trong bài thơ, tác giả thể hiện tình cảm gì với thiên nhiên.  **Câu 6**. Cho biết tác dụng của câu hỏi tu từ trong câu thơ “Một tiếng trên không ngỗng nước nào?  **Câu 7**. Em có suy nghĩ gì về nỗi thẹn của tác giả qua hai câu thơ cuối?  **Câu 8.** Em hiểu như thế nào về cụm từ *“toan cất bút”?*  **Câu 9.** Bài thơ khắc hoạ mùa thu vùng đồng bằng Bắc Bộ, em có biết bài thơ nào viết về đề tài này không? Hãy ghi lại tên bài thơ và 2 câu trong bài thơ đó. |

**Gợi ý Trả lời:**

**Câu 1.** Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường Luật

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

- Đề tài mùa thu

**Câu 2.** Những hình ảnh gợi tả mùa thu

- Trời thu xanh ngắt

- Gió hắt hiu

- Nước biếc

**Câu 3.**

**Câu 4.**

- Màu nước đặc trưng đặc trưng cho mùa thu se se lạnh, mặt hồ luôn có một lớp sương mỏng phủ khói. Có ánh trăng thu, bức tranh mùa thu trong thơ thêm sáng. Mọi vật trong đêm thu được pha thêm ánh trăng huyền ảo, mộng mơ.

**Câu 5.**

- Yêu thiên nhiên, hiểu được vẻ đẹp của bức tranh mùa thu.

**Câu 6**. Tác dụng của câu hỏi tu từ trong câu thơ “Một tiếng trên không ngỗng nước nào?

=> Tác dụng: Tăng sức gợi hình gợi cảm, tăng sự diễn đạt và nhịp điều cho câu thơ đồng thời thể hiện được tâm trạng nỗi buồn man mác, àm thổn thức nỗi lòng của thi nhân.

**Câu 7**. Rung động trước mùa thu, Nguyễn Khuyến cảm thấy “thẹn với ông Đào”. Nguyễn “thẹn với ông Đào'' là về khí tiết. Câu thơ thể hiện một tấm lòng chân thực, nỗi niềm u uẩn của một nhân cách lớn, của một nhà thơ lớn. Đã về ẩn dật rồi, Nguyễn Khuyến vẫn còn chưa nguôi ân hận về những năm tham gia guồng máy chính quyền thối nát tàn bạo thời bấy giờ. Qua đó ta thấy được nhân cách cao cả của thi nhân.

**Câu 8**. Cụm từ “Toan cất bút” Trước cảnh thu đẹp nhà thơ nổi hứng muốn làm thơ, nhưng không làm được vì thẹn với nhân cách cao khiết của Đào Tiềm, một nhà thơ, danh sĩ treo ấn từ quan từ đời Tấn ở Trung Hoa thời cổ trung đại. Thẹn với cổ nhân cũng là tự thẹn với lòng mình, đó là cái thẹn khiến tư cách con người sang trọng hơn, cao quý hơn.

**Câu 9.** Bài thơ Thu Vịnh của Nguyễn Khuyến thực là một bức tranh thuỷ mặc bằng ngôn từ, diễn tả được đúng thần thái cảnh thu đồng bằng Bắc Bộ với những hình ảnh đặc trưng: trời xanh, nước trong, lá vàng, khói trắng, ao, nhà, ngõ… Đọc ba bài thơ dễ nhận thấy không khí yên ả, dịu êm của làng quê tự bao đời.

**-** Các bài thơ khác: Thu điều, Thu ẩm

**PHIẾU HỌC TÂP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  *Năm gian nhà cỏ thấp le te*  *Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.*  *Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,*  *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.*  *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*  *Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.*  *Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy.*  *Độ năm ba chén đã say nhè.*  *(Nguyễn Khuyến - Tác phẩm, Nguyễn Văn Huyền chủ biên, NXB Khoa học xã hội, 1984)*  **Câu 1.** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Xác định phươg thức biểu đạt chính của bài thơ?  **Câu 2.** Những hình ảnh nào gợi lên cảnh thu mang được nét riêng của mùa thu làng quê xứ Bắc Việt Nam? Nhận xét về sự sảng tạo hình ảnh của tác giả khi viết về đề tài mùa thu?  **Câu 3.**Tìm các từ láy có trong văn bản. Bài thơ được gieo vẫn như thế nào?  **Câu 4.** Nêu hiệu quả nghệ thuật của câu hỏi tu từ trong câu thơ: *“Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?”*  **Câu 5.** Hãy xác định biện pháp tu từ trong hai dòng thơ:  *Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,*  *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.*  Nêu hiệu quả biểu đạt của chúng.  **Câu 6.** Nội dung của văn bản? Bài thơ bồi đắp tình cảm gì với quê hương của mình? Hãy trình bày trong khoảng 5-7 dòng.  **Câu 7.** Tâm trạng của nhà thơ trong bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì? |

**Hướng dẫn Trả lời:**

**Câu 1.** Thất ngôn bát cú đường luật.

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2.**

- Những hình ảnh thơ gợi lên cảnh thu mang nét riêng của mùa thu làng quê xứ Bắc Việt Nam: nhà cỏ năm gian thấp le te, đóm lập lòe, màu khói nhạt, lưng giậu, bóng trăng loe lóng lánh, da trời xanh ngắt.

- Sự sáng tạo của nhà thơ Nguyễn Khuyến trong việc miêu tả mùa thu đó là dùng những từ láy gợi hình đặc sắc, gieo vần độc đáo, tạo nên giọng thơ vui tươi và dùng hình ảnh thơ mộc mạc giản dị, tạo nên khung cảnh mùa thu tươi vui đặc trưng của làng quê Bắc Bộ Việt Nam.

**Câu 3.**

- Từ láy: le te, lập lòe, phất phơ, lóng lánh

- Bài thơ được gieo vần "e, oe" ở cuối dòng thơ 1, 2, 4, 6, 8

**Câu 4.** *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*

- Hiệu quả: Bọc tả được phần nào cảm xúc, trăn trở của nhà thơ. Trời cũng như mắt ông đều bị tác động của ai đó làm cho thay đổi, nếu bầu trời xanh là sự điểm tô mới mẻ thì mắt lão đỏ hoe vì nổi bức rức không nguôi trước cảnh nước mất nhà tan trong khi mình chẳng thể làm gì.

**Câu 5.**

- Biện pháp tu từ: so sánh "*Làn ao lóng lánh bóng trăng loe*"

- Tác dụng: thể hiện quan sát và cảm nhận của thi sĩ rất tinh tế: sương thu như màu khói nhạt phủ quanh lưng giậu. Bóng trăng soi trên mặt ao lăn tăn gợn sóng, lúc tụ lại, lúc tản ra, tạo cảm giác là bóng trăng loe.

**Câu 6.**

- Nội dung: Bài thơ làm nổi bật vẻ đẹp huyền ảo, lung linh, mang đậm hồn thu đặc trưng của nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ (chứa đựng những nét chung của làng quê Việt Nam). Đồng thời đó còn là nỗi ưu tư về thời thế cố giấu kín in dấu trong cách nhìn cảnh vật,

- Bài thơ gợi cho người đọc nhớ đến hình ảnh quê hương, gắn với những gì bình dị nhất. Đó là những hình ảnh hết sức thân thuộc mà gần gũi. Từng câu thơ như khơi dậy cảm xúc nhớ quê hương trong tâm trí của những người con xa quê. Quê hương là nơi con người gắn bó, là điểm tựa tinh thần, là nơi nâng đỡ những bước chân đầu tiên của con người trong cuộc hành trình vạn dặm.

**Câu 7.**Trong thời đại phong kiến lúc bấy giờ, mỗi chuyển biến thế sự đều đem lại cho con người ta nhiều tổn thương mất mát, và với nhà thơ nó chính là sự thấu khổ tột cùng khi phải chứng kiến cảnh nước mất, nhà tan chứng kiến cái lý tưởng mà mình cả đời theo đuổi.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  **ĐÂY MÙA THU TỚI**  *“Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,*  *Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng*  *Đây mùa thu tới - mùa thu tới*  *Hơn một loài hoa đã rụng cành*  *Trong vườn sắc đó rĩa màu xanh.*  *Những luồng run rẩy rung rinh lá …*  *Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh…*  *(Đây mùa thu tới - Xuân Diệu)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của khổ thơ trên? Xác định nội dung của khổ thơ trên?  **Câu 2**. Bức tranh mùa thu hiện lên qua những hình ảnh nào? Những hình ảnh ấy có gì đặc biệt  **Câu 3**. Khái quát cảm nhận của Xuân Diệu về mùa thu qua hai khổ thơ trên.  **Câu 4.** Hai câu đầu của khổ thơ thứ nhất: *“Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,*  *Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hang.”*  Nhà thơ sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của hai câu thơ trên.  **Câu 5**. Nêu cảm nhận của em về câu thơ “*Đây mùa thu tới - mùa thu tới”* và vai trò của câu thơ này trong khổ thơ.  **Câu 6**. Bài thơ cho ta thấy tâm sự gì của thi nhân? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

- Khổ thơ là 1 bức tranh thu buồn nhưng đẹp. Đằng sau bức tranh ấy, ta thấy được tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của tác giả trước sự chuyển đổi của trời đất

**Câu 2.** Bức tranh thu hiện lên qua những hình ảnh:

+ Rặng liễu.

+ Vườn thu: trăng thu, gió thu, những vòm mây, cánh chim trời. không gian thu.

+ Bến đò, hình ảnh người thiếu nữ.

- Bao trùm bức tranh thu đó là 1 màu buồn và lạnh. Với những hình ảnh có đường nét, màu sắc. Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác làm cho bức tranh trở nên có hồn hơn. Rặng liễu như một người con gái với những nét vẽ mềm mại nhưng đượm buồn; đứng đìu hiu, tóc buồn buông, lệ ngàn hàng ... Những đường nét gầy guộc của những cành cây khô, nhưng chòm cây, Cánh chim, ánh trăng in hình trên nền trời “u uất”. Hình ảnh người thiếu nữ xuất hiện ngỡ tưởng làm cho bức tranh thu trở nên buồn và lạnh lẽo hơn…

**Câu 3**. Bức tranh thu qua cảm nhận của Xuân Diệu bao trùm vẻ ảm đạm, lạnh lẽo, từ đó toát lên vẻ đẹp hiu hắt của sự tàn lụi, chia li.

**Câu 4**. Hai câu đầu của khổ thơ thứ nhất đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật nhân hoá. Hình ảnh thơ vừa mang tính tạo hình vừa giàu tính biểu cảm... Lá liễu buông dài vừa được cảm nhận như tóc buồn vừa được ví như ngàn hàng lệ. Xuân Diệu vừa dựng tả dáng vóc vừa diễn tả chiều sâu tâm trạng của rặng liễu cuối thu.,.

- Tác dụng: Câu thơ thêm từ láy âm “đìu hiu”, cách gieo vần lưng liên tiếp (buông xuống), vần chân (tang, hàng) gợi không khí mùa thu buồn, tang tóc, chia li, lụi tàn.

**Câu 5.** Câu thơ *“Đây mùa thu tới - mùa thu tới”* cất lời nhắc báo nhẹ nhàng của nhân vật trữ tình. Lời reo vui khe khẽ hay cũng là tiếng thảng thốt giật mình. Câu thơ chứa nhiều tâm trạng: vừa vui trước mùa thu tới (với những vẻ sắc gợi cảm riêng) lại, vừa buồn, sợ bởi mùa thu sẽ qua, thời gian một đi không trở lại.

Nhân vật trữ tình gọi nhắc tới hai lần, chứng tỏ rất thiết tha, ấn tượng trước việc mùa thu tới.

Câu thơ này có vai trò như bản lề trong khổ thơ. Nó nối kết hai câu thơ trên với câu thơ dưới - những tín hiệu báo mùa thu tới.

**Câu 6.** Bài thơ là 1 bức tranh giao mùa từ hạ sang thu. Với những cảnh vật xuất hiện từ gần tới xa, từ thấp tới cao rồi lại chuyển điểm nhìn 1 cách linh hoạt cho thấy sự cảm nhận tinh tế của nhà thớ về thời khắc giao mùa. Thu sang, nhà thơ dường như tiếc nuối về quá khứ, thấy buồn trước sự chảy trôi của thời gian, sự thay đổi của vạn vật.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  **ĐÂY MÙA THU TỚI**  *“Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,*  *Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng*  *Đây mùa thu tới - mùa thu tới*  *Hơn một loài hoa đã rụng cành*  *Trong vườn sắc đó rĩa màu xanh.*  *Những luồng run rẩy rung rinh lá …*  *Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh…*  *Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh…*  *Thỉnh thoảng nàng trặng tự ngẩn ngơ…*  *Non xa khởi sự nhạt sương mờ …*  *Đã nghe rét mướt luồn trong gió…*  *Đã vằn người sang những chuyến đò.*  *Mây vẩn từng không, chim bay đi.*  *Khi trời u uất hận chia ly*  *Mây vẩn từng không, chim bay đi.*  *Khi trời u uất hận chia ly*  *It nhiều thiếu nữ buồn không nói*  *Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì”*  *(Đây mùa thu tới - Xuân Diệu)*  **Câu 1.** Xác định đề tài được đề cập tới trong đoạn thơ?  **Câu 2.** Bức tranh thiên nhiên trong đoạn thơ hiện lên qua những hình ảnh nào?  **Câu 3**. Anh chị hiểu như thế nào về câu thơ “Với áo mơ phai dệt lá vàng”.  **Câu 4**. Đặc điểm thiên nhiên mùa thu ở khổ thơ thứ hai là gì? Nêu cảm nhận của anh/chị về đặc sắc của câu thơ “Những luồng run rẩy rung rinh lá”.  **Câu 5.** Qua bài thơ em hiểu được điều gi về tâm trạng của nhân vật trữ tình? |

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

**Câu 1.** Đề tài được đề cập đến trong đoạn thơ trên là đề tài về mùa thu

**Câu 2.** Bức tranh thiên nhiên trong đoạn thơ hiện lên qua những hình ảnh đó là: rặng liễu đìu hiu, áo mơ phai dệt lá vàng, sắc đỏ rũa màu xanh, nhánh khô gầy.

**Câu 3**. Với áo mơ phai dệt lá vàng nghệ thuật chuyển đổi cảm giác. Có 2 cách hiểu:

- Cách 1: áo mơ phai: màu nắng nhạt trải rộng và dài khắp không gian nhuộm màu lá, khiến lá xanh thành lá vàng (sắc nắng nhuộm vàng lá cây)

- Cách 2: hiểu ngược lại: sắc vàng của lá thu nhuộm vàng cả không gian thu, bầu trời thu…

Dù hiểu theo cách nào cũng đều cho thấy sự chảy trôi của thời gian. Màu vàng là màu đặc sắc trong cảnh thu. Khi lá chuyển sang màu vàng mọi vật nhưu khoác lên mình chiếc áp màu vàng tức là dấu hiệu báo mùa thu tới…

**=>** Em hiểu câu thơ trên như sau: Câu thơ "Với áo mơ phai dệt lá vàng" là một câu thơ nhiều thi vị, nói lên cái hồn thu với sắc lá, gợi lên cảm giác thanh nhẹ, tươi sáng về mùa thu đáng yêu vô cùng.

**Câu 4.** Khổ thơ miêu tả thiên nhiên vào thời gian cuối thu. Đặc điểm bao trùm cảnh vật ở đây là tàn lụi, lạnh lẽo. cần chú ý hình ảnh hoa, lá, sự biến chuyển sắc màu, cái lạnh ngấm vào tận xương của cành nhánh khô gầy...

Phân tích câu thơ “Những luồng run rẩy rung rinh lá” cần chú ý thủ pháp đảo ngữ (khác với “Những luồng lá run rẩy rung rinh” như thế nào?)! Nhà thơ không chỉ miêu tả phiến lá run rẩy rung rinh trong gió lạnh mà còn cảm nhận nỗi run rẩy rung rinh của gió cuối thu trên mặt lá... Câu thơ còn thể hiện nét đặc sắc ở nghệ thuật láy phụ âm “r” như truyền cảm giác cho người đọc.

**Câu 5.** Tâm trạng của nhân vật trữ tình có chút buồn man mác, xao xuyến và pha chút cô đơn trước sắc thu.

**2. Dạng đề Đọc Hiểu cấu trúc mới**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*“Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà*

*Cỏ cây chen đá, lá chen hoa*

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú*

*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà …*

*Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,*

*Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.*

*Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,*

*Một mảnh tình riêng, ta với ta.”*

*(Qua Đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)*

**Câu 1:** Qua Đèo Ngang là tác phẩm viết theo thể thơ gì?

A. Song thất lục bát B. Lục bát

C. Ngũ ngôn **D. Thất ngôn bát cú Đường luật**

**Câu 2:** Bài thơ “Qua Đèo Ngang” viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự. **B. Biểu cảm.** C. Miêu tả. D. Nghị luận.

**Câu 3:** Trong bài thơ Qua Đèo ngang, cảnh vật được miêu tả vào thời điểm nào?

A. Vào lúc sáng sớm B. Vào lúc buổi trưa vắng vẻ

**C. Vào buổi chiều tà** D. Vào buổi tối

**Câu 4:** Hai câu thơ đầu bài thơ diễn tả không gian đèo Ngang như thế nào?

A. Hoang sơ, huyền ảo B. Hùng vĩ, vắng lặng

C. Thơ mộng, yên bình **D. Hoang sơ, vắng lặng**

**Câu 5:** Nghệ thuật nổi bật trong câu thứ ba và thứ tư là gì?

A. So sánh B. Nhân hóa **C. Đảo ngữ**  D. Điệp ngữ

**Câu 6:** Tâm trạng của bà Huyện Thanh Quan được bộc lộ qua bài thơ là tâm trạng gì?

A. Yêu say mê vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước

B. Đau xót, ngậm ngùi trước sự đổi thay của quê hương

C. Buồn đau da diết khi phải sống trong cảnh cô đơn

**D. Cô đơn trước thực tại, da diết nhớ về quá khứ của đất nước**

**Câu 7:** Những từ nào gợi lên cảm giác hoang vắng, quạnh hiu. của đèo Ngang?

**A. Lác đác** B. Lom khom C. Quốc quốc D. Gia gia

**Câu 8:** Tâm trạng của tác giả như thế nào khi bước tới Đèo Ngang?

**A. Nhớ nước thương nhà, mang nỗi buồn cô đơn thầm lặng.**

B. Vui tươi trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ.

C. Thích thú khi được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên cũng như con người ở Đèo Ngang.

D. Mệt mỏi sau một chặng đường dài đến với Đèo Ngang.

**Câu 9.** Qua bài Qua Đèo Ngang, em có nhận xét gì về đặc điểm ngôn ngữ thơ Bà Huyện Thanh Quan?

**Câu 10.** Từ đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn từ 4-6 câu trình bày suy nghĩ của mình về vẻ đẹp thiên nhiên. Trong đoạn văn đó có sử dụng một cặp quan hệ từ.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | D | B | C | D | C | D | A | D |   **Câu 9**. - Ngôn ngữ thơ:  + Bà Huyện Thanh Quan: Giàu tính ước lệ, nhiều điển tích, điển cố.  - Phong cách:  + Bà Huyện Thanh Quan: Trang nhã, đậm chất hoài cổ.  - Phép đảo ngữ được vận dụng tài tình ở các câu thực, luận đã nhấn mạnh sự heo hút, thưa thớt của cảnh vật và nỗi “nhớ nước”, “thương nhà” tha thiết của nhà thơ.  **Câu 10**.  - HS trình bày theo hình thức đoạn văn, cảm nhận về vẻ đẹp thiên nhiên gợi ra từ đoạn thơ  **a. Mở đoạn:** 4 câu thơ đầu bài thơ Qua đèo ngang của Bà huyện thanh quan đã gợi cho chúng ta những cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên  **b.** **Thân đoạn**: Triển khai cảm nhận  + Thiên nhiên trong bài thơ hiện lên lúc chiều tà với cảnh vật đơn sơ, bình dị  + Thiên nhiên trong bài thơ là không gian thiên nhiên quen thuộc với mỗi người  + Trước thiên nhiên hoang sơ giản dị ấy, chúng ta thấy:  - Rung động trước cảnh đẹp của thiên nhiên  - Sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên  + Từ những rung cảm ấy, để mỗi chúng ta biết:  - Yêu quý, giữ gìn bảo vệ thiên nhiên  - Phê phán những hành động phá hoại thiên nhiên  **c. Kết đoạn:**  - Khẳng định lại vẻ đẹp của thiên nhiên và bày tỏ suy nghĩ cá nhân. |

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

**BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ**

*“Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,*

*Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.*

*Ao sâu nước cả, khôn chài cá,*

*Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.*

*Cải chửa ra cây, cà mới nụ*

*Bầu vừa rụng rốn mướp đương hoa*

*Đầu trò tiếp khách trầu không có*

*Bác đến chơi đây ta với ta!”*

*(Bạn đến chơi nhà - Nguyễn Khuyến)*

**Câu 1:** Bạn đến chơi nhà thuộc thể thơ gì?

**A. Thất ngôn bát cú**  B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Lục bát D. Song thất lục bát

**Câu 2:** Bài thơ “Qua Đèo Ngang” viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự. **B. Biểu cảm.** C. Miêu tả. D. Nghị luận.

**Câu 3:** Biện pháp nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng trong bài thơ là?

A. Đảo ngữ, liệt kê B. Nhân hóa, liệt kê

**C. Đối lập, liệt kê**  D. Nói quá

**Câu 4:** Trong các dòng sau, dòng nào là thành ngữ?

**A. Ao sâu nước cả**  B. Cải chửa ra cây

C. Bầu vừa rụng rốn D. Đầu trò tiếp khách

**Câu 5:** Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ “cả” trong câu “Ao sâu nước cả khôn chài cá”

A. To **B. Lớn** C. Dồi dào D. Tràn trề

**Câu 6:** Từ câu thơ thứ hai đến câu sáu, tác giả nói về sự thiếu thốn về vật chất nhằm mục đích gì?

A. Miêu tả cảnh nghèo của mình

B. Giãi bày hoàn cảnh thực tế của mình

C. Không muốn tiếp đãi bạn

**D. Diễn đạt một cách dí dỏm tình cảm chân thành, sâu sắc**

**Câu 7:** Nhận định nào không đúng về bài thơ?

A. Bài thơ thể hiện tâm trạng mừng vui khi có bạn đến chơi nhà.

**B. Thể hiện cuộc sống nghèo túng, khốn khó và nỗi hổ thẹn với bạn.**

C. Sử dụng từ ngữ thuần việt, giản dị, gần gũi cuộc sống thôn quê.

D. Thể hiện tình bạn đầm đà, thắm thiết.

**Câu 8.** Nhận xét về tình bạn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ Bạn đến chơi nhà?

**A. Tình bạn chân thành, thắm thiết, trong sáng, không màng tới vật chất**

B. Tình bạn nghèo nàn, thiếu thốn đủ đường

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B sai

**Câu 9.** Có người cho rằng, đọc bài thơ *“Bạn đến chơi nhà”,* ta vẫn cảm nhận được rất nhiều phong vị làng quê Bắc Bộ. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Trình bày ý kiến của mình thành một đoạn văn.

**Câu 10.** Việc sử dụng đại từ nhân xưng *“bác”*trong câu thơ “Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,” có tác dụng gì? Hãy cho biết ngôn ngữ trong bài thơ “Bạn đến chơi nhà” có gì đặc biệt so với các bài thơ khác?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | B | C | A | B | D | B | A |   **Câu 9.** Học sinh bày tỏ quan điểm và lí giải hợp lí  + Đồng ý vì:  - Điều thú vị của đoạn thơ này đó là tác giả nói không có cá, không có gà, không có rau dưa... Nhưng đoạn thơ vẫn gợi nên một bức tranh thôn quê dân dã, thân thuôc mà sinh động. Hình ảnh Nguyễn Khuyến trong bức tranh quê ấy thật hồn hậu, ông sống chan hoà với thiên nhiên vườn Bùi chốn cũ, ông hăng hái dản người bạn của mình đi thăm thú điền viên. Làng cảnh vùng chiêm trũng này cũng chính là nơi ông giữ trọn khí tiết thanh cao của mình. Do đó, bài thơ không chỉ gợi nên một bức tranh quê mộc mạc mà còn gợi cả tình quê ấm áp, hồn hậu.  **Câu 10**. Việc sử dụng đại từ nhân xưng *“bác”*có tác dụng: tỏ thái độ niềm nở, thân mật, kính trọng.  Ngôn ngữ của bài thơ: dân dã, đòi thưòng, hình ảnh quen thuộc với cảnh sắc nông thôn và đời sống người nông dân: ao vườn, cải… |

**ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay*

*Mặc manh áo ngắn giục trâu cày*

*Nàng dâu sớm đã gieo dưa đó*

*Bà lão chiều còn xới đậu đây*

*Mía cạnh giậu tre đang nảy ngọn*

*Khoai trong đám cỏ đã xanh cây*

*Điền viên nghĩ thật nguồn vui thú*

*Dẫu chẳng “hành môn” đói cũng khuây.*

*(Chiều xuân ở thôn Trừng Mại - Nguyễn Bảo)*

**Câu 1**. Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt B. Ngũ ngôn

**C. Thất ngôn bát cú** D. Song thất lục bát

**Câu 2.** Hai câu thơ đầu của bài thơ gieo vần nào?

**A. Vần chân, vần liền** B. Vần lưng, vần liền

C.Vân chân, vần cách D. Vần lưng, vần cách

**Câu 3.** Bài thơ có thể chia bố cục theo thứ tự nào?

A. Luận, kết, đề, thực **B. Đề, thực, luận, kết**

C. Đề, luận, kết, thực D. Thực, luận, đề, kết

**Câu 4.** Câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào? “*Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay”*

A. Nhân hoá B. So sánh

**C. Đảo ngữ** D. Điệp ngữ

**Câu 5**. Theo em, việc sử dụng các biện pháp tu từ trong câu thơ (trong câu hỏi 3) có tác dụng gì?

**A. Gợi bức tranh mùa xuân thôn dã thật bình dị với mưa xuân hoà vào không khí thật nhẹ nhàng**

B. Gợi trạng thái mưa đầu xuân.

C. Gợi bức tranh lao động đầu xuân.

D. Đầu xuân có mưa phùn khiến cây cối đâm chồi nảy lộc.

**Câu 6.** Em hiểu thế nào là *“thú điền viên”*?

A. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn của các nho gia.

**B. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn, thường để chỉ những vị quan lui về ở ẩn.**

C. Thú vui ở ẩn của các vị quan sau khi thôi chốn quan trường.

D. Thú vui ở ẩn của các vị vua sau khi nhường ngôi.

**Câu 7**. Theo em, đâu là nội dung chính của bài thơ?

A. Thể hiện tình yêu với những vần thơ giản dị, chân chất.

B. Thể hiện tình cảm dành dành cho cảnh quê.

**C. Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống, con người của tác giả.**

D. Thể hiện vẻ đẹp của bức tranh lao động bình dị trong một gia đình dân cày.

**Câu 8**. Tình cảm, cảm xúc tác giả gửi gắm trong bài thơ là gì?

A. Thương người dân cày vất vả, lam lũ.

B. Nhớ cảnh mưa phùn của quê hương tác giả.

C. Nhớ cảnh điền viên khi ở quê nhà.

**D. Tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết với quê hương của tác giả.**

**Câu 9**. Bức tranh quê hương được tác giả vẽ lên là bức tranh thôn dã bình dị và lồng trong đó là sự gắn kết giữa nhà thơ và người làm ruộng, là bức tranh lao động bình dị của một gia đình dân cày. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?

**Câu 10.** Từ văn bản trên hãy viết đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên.Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết).

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | C | A | B | C | A | B | C | D |   **Câu 9.** - Học sinh đưa ra ý kiến và lí giải hợp lí vẫn cho điểm.  + Đồng ý  - Gia đình nơi thôn quê ấy tuy vất vả với *“manh áo ngắn”, “giục trâu cày”* trong thời tiết “*phân phất mưa phùn*” nhưng người đọc thấy được sự gắn kết giữa những con người trong một gia đình dân cày.  - Tác giả hòa cùng nhịp sống của người quê để cảm nhận sâu sắc hồn quê.  **Câu 10**.  - Đảm bảo bố cục đoạn văn độ dài khoảng 5 đến 7 câu.  - Viết đoạn văn nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên.  - Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết).Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |

**ĐỀ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,*

*Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.*

*Gác mái, ngư ông về viễn phố,*

*Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,*

*Dặm liễu sương sa khách bước dồn.*

*Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,*

*Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

*(Chiều hôm nhớ nhà Bà Huyện Thanh Quan)*

**Câu 1:** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

**A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật** B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn D. Lục bát

**Câu 2**: Bài thơ được gieo vần gì?

A. Vần lưng B. Vần liền **C. Vần chân** D. Vần cách

**Câu 3:** Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là gì?

A. Vui mừng, phấn khởi B**. Buồn, ngậm ngùi**

C. Xót xa, sầu tủi D. Cả ba phương án trên

**Câu 4:** Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A. Nghị luận kết hợp biểu cảm B. Biểu cảm kết hợp tự sự

C. Miêu tả kết hợp tự sự D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

**Câu 5:** Nội dung của bài thơ là gì?

A. Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

B. Tâm trạng hân hoan, vui sướng khi nhớ về quê nhà

C. Nhớ tiếc một thời vàng son của Thăng Long cũng là trở về cội nguồn của dân tộc, tự hào về sức sống và nền văn hiến Đại Việt

D. Hoài niệm về những tàn dư thủa trước

**Câu 6:** Nhận định nào sau đây đúng nhất về thơ của Bà Huyện Thanh Quan?

A. Trẻ trung, mạnh mẽ đầy hơi thở dân gian.

**B. Trang nhã, đậm chất bác học và thấm đẫm niềm hoài cổ.**

C. Ngôn ngữ bình dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày.

D.Trang nhã, đậm chất bác học.

**Câu 7**: Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ Chiều hôm nhớ nhà?

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình

B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả

C. Lời thơ trang nhã, sử dựng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc

**Câu 8:** Căn cứ vào nội dung bài thơ cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

A. Lòng tự trọng B. Yêu nhà, yêu quê hương

C. Sự hoài cổ D. Cả ba ý trên

**Câu 9:** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các câu thơ sau: Gác mái, ngư ông về viễn phố, Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.

**Câu 10:** Từ nội dung của bài thơ, em hãy nêu rõ vai trò của quê hương đối với mỗi người. (Trả lời khoảng 5-7 dòng)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | B | C | B | D | A | B | C | B |   **Câu 9.** Học sinh chỉ rõ và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ: Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế nhàn của ngư ông đang sống ở miền quê, đã thoát vòng danh lợi: Đảo vị ngữ “Gác mái” càng nhấn mạnh sự nghỉ ngơi thư thái của ngư ông. “Gõ sừng” cũng được đảo ra phía trước để nhấn mạnh cử động của mục tử (người chăn trâu) nhưng là cử động trở về, nghỉ ngơi. Tóm lại, hai câu thực đã thể hiện một cách tài hoa chủ đề “chiều hôm nhớ nhà” => tạo nên không khí tĩnh lặng, cảnh chiều thêm tĩnh mịch và ẩn chứa một nỗi niềm man mác, bâng khuâng của lòng người.  **Câu 10.** Quê hương chính là nơi chôn nhau cắt rốn của ta, là nơi nuôi ta lớn lên với biết bao kỉ niệm chẳng thể phai nhòa. - Quê hương dạy ta biết lớn khôn và trưởng thành. Quê hương cho ta những năm tháng tuổi thơ tuyệt vời mà suốt hành hình trình trưởng thành ta không bao giờ tìm lại được. - Quê hương ấy, những con người quen thuộc ấy sẽ theo dấu chân ta trên suốt quãng đời của mình ... |

**3. Viết kết nối với đọc**

Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) phân tích hai câu thơ khiến em có ấn tượng nhất trong bài thơ *Thu điếu.*

**Đoạn văn tham khảo**

Nguyễn Khuyến là nhà thơ tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam, được mệnh danh *“Nhà thơ của làng cảnh Việt Nam”. “Thu điếu”* là bài thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc. Cảnh đẹp mùa thu quê hương, tình yêu thiên nhiên, yêu mùa thu gắn liền với tình yêu quê hương tha thiết. Thu điếu là bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật, ngôn ngữ tinh tế, hình tượng và biểu cảm. Cảnh thu, trời thu xinh đẹp của làng quê Việt Nam như hiện lên trong dáng vẻ và màu sắc tuyệt vời dưới ngòi bút thần kì của Nguyễn Khuyến**.**

Mở đầu bài thơ là hai câu thơ

*“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo”*

Chỉ cần đọc hai câu thơ ta có thể tưởng tượng ra cảnh sắc mùa thu, một không gian nghệ thuật đang bao trùm xung quanh chúng ta. Nước trong veo của ao có thể giúp ta nhìn xuyên thấu được qua lòng ao, một không khí lạnh lẽo đang lan tỏa ra khắp không gian. Không còn cái se lạnh đầu thu nữa mà là đã thu phân, thu mạt rồi nên mới lạnh lẽo như vậy.

Không biết từ bao giờ mà trên lòng ao đã xuất hiện một chiếc thuyền câu giữa không gian bao la rộng lớn dường như sự cô đơn của chiếc thuyền đang lan tỏa rộng ra khắp không gian. Bé tẻo teo nghĩa là rất bé nhỏ; âm điệu của vần thơ cũng gợi ra sự hun hút của cảnh vật (trong veo - bé tẻo teo). Đó là một nét thu đẹp và êm đềm.

**BÀI 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT TỪ TƯỢNG HÌNH**

**VÀ TỪ TƯỢNG THANH**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được đặc điểm của từ tượng hình, từ tượng thanh

- Phân tích được tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh trong ngữ cảnh.

- Học sinh biết sử dụng từ tượng hình từ tượng thanh đúng và hiệu quả trong các hoạt động viết nói và nghe

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập từ tượng hình, từ tượng thanh

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ.

**B. NỘI DUNG**

**I. LÍ THUYẾT**

**1.** **Từ tượng hình** là từ gợi tả hình dáng, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.

Ví dụ: *hì hục, rón rén, vật vã…gợi ra cách làm việc, dáng đi*

**2.** **Từ tượng thanh** là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.

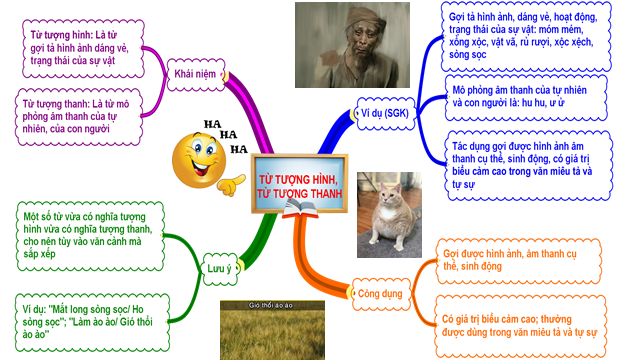
Ví dụ*: ầm ầm, ào ào, róc rách… (mô phỏng tiếng nước chảy);*

*ha ha, hi hi, hì hì...(mô phỏng tiếng cười của con người).*

**3**. Thông thường các từ tượng thanh, tượng hình là các từ láy. Tuy nhiên cũng có những từ tượng hình, tượng thanh không phải là từ láy:

Ví dụ: *bốp, ầm, ào, xốp*…

**4**. Vì khả năng gợi hình ảnh và âm thanh nên các từ tượng hình và các từ tượng thanh có tính biểu cảm cao. Do đó, các từ tượng thanh, tượng hình ít được dùng trong các loại văn bản đòi hỏi tính trung hòa về biểu cảm như văn bản khoa học, hành chính…mà được dùng nhiều trong các văn bản có tính văn học nghệ thuật: miêu tả, tự sự, thơ ca, tiểu thuyết, bút kí, tùy bút…



**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1**. Tìm các từ tượng hình, tượng thanh trong các đoạn sau:

*1. Bước tới đèo Ngang bóng xế tà*

*Cỏ cây chen đá, lá chen hoa*

*Lom khom dưới núi tiều vài chú*

*Lác đác bên sông rợ mấy nhà*

*(Bà Huyện Thanh Quan)*

*2. Nhớ nước, đau lòng con quốc quốc*

*Thương nhà, mỏi miệng cái da da*

*Dừng chân đứng lại: trời, non, nước*

*Một mảnh tình riêng, ta với ta*

*(Bà Huyện Thanh Quan)*

*3. Cúc cu! Cúc cu! Chim rừng ca trong trong nắng  
 Im nghe! Im nghe! Ve rừng kêu liên miên  
 Rừng hát gió lay trên cành biếc*

*Lao xao! Rì rào! Dòng suối uốn quanh dòng nước trôi trong xanh  
 Róc rách! Róc rách! Nước luồn qua khóm trúc  
 Lá rơi lá rơi, xoay tròn nước cuốn trôi*

*(Bài hát Nhạc rừng, Hoàng Việt)  
4. Có anh chiến sĩ đi qua khu rừng vắng  
 Lắng nghe nhạc rừng tâm hồn vui phơi phới  
 Anh cười một mình rồi cất tiếng hát vang  
 Cây rừng dội tiếng theo lời ca mênh mang  
 Tính tang tính tình! Miền Đông gian lao mà anh dũng  
 Tính tang tính tình! Hăng hái chiến đấu chống quân thù  
 Đường xa chân đi vui bước  
 Lòng xuân thêm thắm tươi  
 Nhạc rừng vẳng đưa cùng nhịp bước  
 Hương rừng thoáng đưa hồn say sưa*

*(Bài hát Nhạc rừng, Hoàng Việt)*

5. Thế là mùa xuân mong ước đã đến. Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sực nức. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà bây giờ đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những áo lá già đen thủi. Các cành cây đều lấm tấm màu xanh. Những cành xoan khẳng khiu đương trổ lá lại sắp buông tỏa ra những tàn hoa sang sáng, tim tím. Ngoài kia, rặng râm bụt cũng sắp có nụ.

*(Tô Hoài)*

*6. Chú bé loắt choắt*

*Cái xắc xinh xinh*

*Cái chân thoăn thoắt*

*Cái đầu nghênh nghênh*

*(Tố Hữu)*

7. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ…lòa nhòa ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.

*(Đoàn Giỏi)*

8. Gió nồm vừa thổi, dượng Hương nhổ sào. Cánh buồm căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.

*(Võ Quảng)*

9. Thỉnh thoảng chúng tôi gặp những thuyền chất đầy cau tươi, dây mây, dầu rái, những thuyền chở mít, chở quế. Thuyền nào cũng xuôi chậm chậm. Càng về ngược, vườn tược càng um tùm.

*(Võ Quảng)*

10. Dượng Hương Thư đánh trần đứng sau lái co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng “soạc”! Thép đã cắm vào sỏi! Dượng Hương ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại, giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao phóng sào xuống nước.

*(Võ Quảng)*

11. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.

12. Chú Hai vứt sào, ngồi xuống thở không ra hơi. Dòng sông cứ chảy quanh co dọc những núi cao sừng sững. Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước.

*(Võ Quảng)*

*13. Anh đội viên mơ màng*

*Như nằm trong giấc mộng*

*Bóng Bác cao lồng lộng*

*Ấm hơn ngọn lửa hồng.*

*(Minh Huệ)*

*14. Quê hương tôi có con sông xanh biếc*

*Nước gương trong soi tóc những hàng tre*

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè*

*Tỏa nắng xuống lòng sông lấp loáng*

*(Tế Hanh)*

15. Mỗi chiếc lá rụng có một linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa mũi tên nhọn, tự cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng, thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vẩn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lảo đảo mấy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho chậm tới cái giây phải nằm phơi trên mặt đất.

*(Khái Hưng)*

16. Có chiếc lá nhẹ nhàng, khoan khoái đùa bỡn, múa may với làn gió thoảng, như thầm bảo rằng sự đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại: cả một thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến mơn trớn một ngọn cỏ xanh mềm mại.

*(Khái Hưng)*

17. Lại đến một buổi chiều, gió mùa đông bắc vừa dừng. Biển lặng, đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai đem rắc lên trên.

*(Vũ Tú Nam)*

18. Một buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm. Những đảo xanh lam nhạt pha trắng sữa. Không có gió mà sóng vẫn vỗ đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lấm tấm như bột phấn trên da quả nhót.

*(Vũ Tú Nam)*

19. Trời dải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời ầm ầm, biển đục ngầu, giận dữ…

*(Vũ Tú Nam)*

20. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh dưới nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quyện lại thành từng cục máu lớn.

*(Nguyễn Trung Thành)*

21. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào.

*(Tô Hoài)*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 1.** Tìm các từ tượng hình, tượng thanh trong các đoạn sau:

1. Tượng hình: lom khom, lác đác

2. Tượng thanh: quốc quốc.

3. Tượng thanh: cúc cu, liên miên, lao xao, rì rào, róc rách  
4. Tượng hình: phơi phới, mênh mang, say sưa

- Tượng thanh: tính tang tính tình  
5. Tượng hình: lạnh lẽo, lấm tấm, sang sáng,

6. Tượng hình: loắt choắt, thoăn thoắt, nghênh nghênh

7. Tượng hình: tăm tắp, lòa nhòa

8. Tượng hình: bon bon

9. Tượng hình: chậm chậm, um tùm

10. Tượng thanh: soạc

11.Tượng hình: cuồn cuộn

12. Tượng hình: sừng sững, lúp xúp

13. Tượng hình: lồng lộng

14. Tượng hình: lấp loáng

15.- Tượng hình: lạnh lùng, vẩn vơ, lảo đảo.

- Tượng thanh: phập

16. Tượng hình: nhẹ nhàng, khoan khoái, dằng dặc, ngần ngại, rụt rè, âu yếm, mơn trớn, mềm mại.

17. Tượng hình: loáng thoáng

18. - Tượng hình: lấm tấm

- Tượng thanh: rì rầm

19. - Tượng hình: âm u, xám xịt, nặng nề

- Tượng thanh: ầm ầm

20. Tượng hình: long lanh, gay gắt

21. Tượng hình: vêu vao, bì bõm

**Bài 2:** Tìm các từ tượng thanh gợi tả âm thanh của:

- *Tiếng nước chảy.*

*- Tiếng gió thổi.*

*- Tiếng cười nói.*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 2:** Tham khảo các từ sau:

- *Tiếng nước chảy: róc rách, ầm ầm, rì rào, ào ào, tí tách…*

*- Tiếng gió thổi: ào ào, vi vút, vi vu, hun hút, vù…*

*- Tiếng cười nói: ha hả, hi hi, he he, he hé, ha há, ha ha, râm ran, xôn xao…*

**Bài 3:** Cho các câu sau:

*- Chị Dậu run run: […]*

*- Chị Dậu vẫn thiết tha: […]*

*- Chị Dậu nghiến hai hàm răng: […]*

? Hãy tìm các từ ngữ gợi hình dáng, trạng thái của chị Dậu khi nói chuyện với cai lệ? Từ đó chỉ ra sự thay đổi trạng thái tâm lí của chị?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 3:** Các từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái tâm lý của chị Dậu được in đậm:

- Chị Dậu **run run**: […]

- Chị Dậu vẫn **thiết tha**: […]

- Chị Dậu **nghiến hai hàm răng**: […]

=> Sự thay đổi tâm lý của chị Dậu: từ chỗ run sợ, đến chỗ van xin nài nỉ và cuối cùng là tức giận, không thể kiềm chế được.

**Bài 4***:* Tìm những từ tượng hình chỉ dáng đi của con người?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 4***:*  Tham khảo các từ sau:

Rón rén, Lù đù, Thoăn thoắt, Lạch bạch, Lon ton

**Bài 5***.* Tìm ra những từ tượng thanh chỉ âm thanh của con người?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 5***:*Tham khảo các từ sau:

Khúc khích, Thút thít, Thủ thỉ, Hí hí

**Bài 6***:*Đặt câu cho các từ tượng hình, từ tượng thanh sau: *Lắc rắc, ríu rít, xinh xinh, khúc khuỷu, lạch bạch, lấp lánh.*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 6***:* Gợi ý câu trả lời:

Lắc rắc: Hạt mưa rơi lắc rắc

Ríu rít: Bầy chim kêu ríu rít

Xinh xinh: Cái áo xinh xinh

Khúc khuỷu: Con đường đến trường khúc khuỷu

Lạch bạch: Đàn vịt đi lạch bạch

Ào ào: Mưa rơi ào ào suốt cả ngày

Lấp lánh: Ánh đèn thành phố lấp lánh suốt đêm

Ồm ồm: Giọng của người đàn ông ồm ồm bên tai

Tích tắc: Chiếc đồng hồ nhà tôi kêu tích tắc suốt ngày

**Bài 7***:*Phân biệt ý nghĩa của các từ tượng thanh tả tiếng cười: *cười ha ha, cười hì hì, cười hô hô, cười hơ hơ.*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 7***:* Gợi ý câu trả lời:

Ha ha: Tiếng cười to, thoải mái

Hi hi: Tiếng cười nhỏ nhẹ, đáng mến

Hô hô: Cười vô duyên, gây phản cảm cho người khác

Hơ hơ: Tiếng cười thoải mái, tự nhiên

**Bài 8:** Phân biệt ý nghĩa của những từ tượng hình sau: *lênh đênh, lềnh bềnh, lều bều, lênh khênh, lêu đêu, lêu nghêu.*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 8***:*  Gợi ý câu trả lời:

Lênh đênh: Chỉ trạng thái trôi nổi, không biết đi đâu về đâu

Lềnh bềnh: Chỉ trạng thái trôi nổi nhẹ nhàng, thuận theo chiều gió

Lều sều: Trôi nổi bẩn thỉu

Lênh khênh: Cao ngất ngưởng, không cân đối, dễ đổ ngã

Lêu đêu: Cao ngất ngưởng, nhỏ và cao

Lêu nghêu: Cao gầy ngất ngưởng

**Bài 9:** Tìm năm loài vật có tên gọi tượng thanh.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 9:**

    Năm loài vật có tên gọi tượng thanh là: *Con bìm bịp, con tu hú, con tắc kè, con ve, con chim chích chòe.*

**Bài 10:**Viết một đoạn văn và xác định từ láy tượng thanh, tượng hình.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 10*:*Đoạn văn tham khảo**

Những ngày trời tháng 8, những ngọn gió thoang thoảng, những tiếng lá rơi xào xạc, tiếng chim kêu líu lo, tôi chợt nhận ra mùa thu đã về. Trong tôi lại hiện lên những ký ức của tuổi thơ. Cái ngày này năm ngoái vẫn mưa tuôn xối xả, rồi những lúc trời nắng hè vẫn làm cho những chú ve kêu âm ỉ. Nhìn bóng dáng các cô cậu nhỏ nhắn cười khúc khích ngoài sân tôi lại nhớ đến tuổi thơ đầy dữ dội của mình. Những ngày còn nô đùa vui vẻ, ấy thế mà giờ chúng tôi phải tấp nập với việc lo cơm áo gạo tiền. Không còn cả thời gian rảnh để chơi đùa, vui vẻ. Nhiều khi tôi chỉ muốn mình được bé nhỏ, hồn nhiên vô lo, vi vu khắp nơi như những đứa trẻ này. Dù cho có lớn thì những kỷ niệm về tuổi thơ vẫn không bao giờ nhạt nhòa.

- [Từ láy](https://dinhnghia.vn/dinh-nghia-tu-lay-la-gi-tu-ghep-la-gi.html) tượng thanh: xào xạc, thỏ thẻ, xối xả, thoang thoảng, líu lo,

- Từ láy tượng hình: Nhỏ nhắn, vi vu, nhạt nhòa.

**BÀI 2: ÔN TẬP VĂN BẢN THIÊN TRƯỜNG VÃN VỌNG**

*(Ngắm cảnh thiên trường trong buổi chiều tà - Trần Nhân Tông)*

**A. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Học sinh nhận biết được bố cụ, niêm, luật bằng trắc của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đường luật thể hiện trong bài thơ.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê trong buổi hoàng hôn, từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả, một vị hoàng đế - thi nhân.

- Biết ơn và tự hào về các thế hệ trước biết trân trọng, giữ gìn di sản văn hóa mà ông cha để lại.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản Thiên trường vãn vọng

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Thiên trường vãn vọng

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất**

-   Yêu thương, sự gắn bó với cảnh sắc quê hương với cuộc đời

**B. NỘI DUNG**

**I. Tìm hiểu chung về thể thơ**

**1. Đặc điểm của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **a. Khái niệm:** | - Mỗi bài thơ tứ tuyệt Đường luật có bốn câu, mỗi câu có năm chữ (Ngũ ngôn tứ tuyệt) hoặc bảy chữ (thất ngôn tứ tuyệt). |
| **b. Về bố cục** | Bài thơ tứ tuyệt thường triển khai theo hướng: *khai* (mở ý cho bài thơ), *thừa* (tiếp nối, phát triển ý thơ), *chuyển* (chuyển hướng ý thơ), *hợp* (thâu tóm ý tứ của toàn bài). Về *luật thơ,* bài thơ tứ tuyệt cơ bản vẫn tuân theo các quy định như ở bài thơ thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối. |

**II. Tác giả - Tác phẩm**

**1. Tác giả**

|  |  |
| --- | --- |
| - Trần Nhân Tông sinh năm 1258, mất năm 1308, tên thật là Trần Khâm, con trưởng của Trần Thánh Tông.  - Ông là một ông vua yêu nước, anh hùng, nổi tiếng khoan hòa, nhân ái, đã cùng vua cha lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống giặc Mông – Nguyên thắng lợi vẻ vang.  - Ông theo đạo Phật. Năm 1299, ông về tu ở chùa Yên tử (thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay) và trở thành vị tổ thứ nhất của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử.  - Trần Nhân Tông là một nhà văn hóa, một nhà thơ tiêu biểu của thời Trần. |  |

**b. Tác phẩm**

**\* Tác phẩm chính**

- Trần Nhân Tông được xem là một nhà thơ, nhà văn hóa tiêu biểu của Đại Việt thời trung đại. Tác phẩm của ông bao gồm:

+ Thiền lâm thiết chủy ngữ lục (Ngữ lục về trùng độc thiết chủy trong rừng Thiền).

+ Tăng già toái sự (Chuyện vụn vặt của sư tăng).

+ Thạch thất mỵ ngữ (Lời nói mê trong nhà đá), được vua Trần Anh Tông cho chép vào Đại Tạng kinh để lưu hành.

+ Đại hương hải ấn thi tập (Tập thơ ấn chứng của biển lớn nước thơm).

+ Trần Nhân Tông thi tập (Tập thơ Trần Nhân Tông).

+ Trung Hưng thực lục (2 quyển): chép việc bình quân Nguyên xâm lược.

**b. Phong cách nghệ thuật**

Theo đánh giá trong sách Thơ văn Lý Trần (tập 2, quyển thượng) do Nguyễn Huệ Chi, Trần Thị Băng Thanh, Đỗ Văn Hỷ và Trần Tú Châu biên soạn, thơ Trần Nhân Tông mang tính chất *"kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự, có tinh thần lạc quan, yêu đời, tấm lòng vị tha của một nhân cách cỡ lớn và sự rung động tinh tế, lòng yêu tự do thích thảng của một nhà nghệ sĩ".*

 - Thể loại: Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

**c. Bố cục:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Hai câu đầu: Cảnh buồn chiều ở phủ Thiên Trường.  - Hai câu cuối: Cảnh sắc và con người chan hoà ở các làng quê Việt Nam. |  |

**III. Phân tích**

**1. Hai câu thơ đầu**

- Tả cảnh buồn chiều ở phủ Thiên Trường.

- Người ngắm cảnh là một vị vua.

- Đạm tự yên: Làn sương bạc, bình đạm, nhẹ lâng lâng bao bọc, lan toả xung quanh.

- Bán vô bán hữu: cảnh vật nửa như có nửa như không trong bóng chiều.

- Gợi không khí cảnh buổi chiều, êm đềm, man mác của cảnh quê.

- Cảnh chiều buông man mác, buồn, chầm chậm trong tâm tư vị vua trẻ tuổi, anh hùng như đã sớm hướng tâm linh cuả mình về thiên nhiên thuần phác và vĩnh hằng.

**2. Hai câu cuối**

- Cảnh sắc và con người chan hoà ở các làng quê Việt Nam:

+ Tiếng sáo của trẻ chăn trâu còn văng vẳng đâu đây.

+ Từng đôi cò trắng (bạch lộ) chớp cánh, bay liệng xuống đồng (phi hạ điền) kiếm ăn.

- Cảnh sắc và con người chan hoà với nhau, tất cả đều dân dã, bình dị, quen thuộc, thanh bình, no ấm. Tình quê và hồn quê chan hoà, dào dạt.

- Thấp thoáng và ấm áp chân thành tình cảm của người viết: ngắm cảnh chiều bình yên để suy tư, suy nghĩ tâm hồn cao quý.

- Bóng dáng đất nước Đại Việt những năm cuối thế kỷ XIII: Đất nước thanh bình, nhân dân yên ổn.

 - Bài thơ phác hoạ nên cảnh chiều ở thôn quê đơn sơ nhưng vẫn đậm đà sắc quê, hồn quê. Điều đó chứng tỏ tác giả là một vị vua có địa vị tối cao nhưng vẫn có tâm hồn thanh cao, giản dị, gắn bó máu thịt với quê hương thôn dã một điều không dễ gì có được.  
**III. Tổng kết:**

**1. Nội dung:**

+ Cảnh chiều ở thôn quê yên bình.

+ Sự gắn bó máu thịt với quê hương dân dã và tâm hồn nghệ sĩ của một vị vua.

**2. Nghệ thuật:**

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, cô động. Sử dụng bút pháp chấm phản ánh.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Văn học trung đại bên cạnh đề tài thể hiện tình yêu đất nước, tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc thì còn có những bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cảnh vật. Tình cảm đó được thể hiện rõ nét trong bài thơ Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra của Trần Nhân Tông.

Bài thơ Buổi chiều đứng ở phủ Thiền Trường trông ra được vua Trần Nhân Tông sáng tác trong một dịp về thăm lại kinh đô Thiên Trường ở Nam Định. Bằng đôi nét chấm phá, nhà vua - nhà thơ đã vẽ nên một bức tranh đẹp huyền ảo, thơ mộng, lãng mạn về miền quê thôn dã, xứng đáng là một bức tranh đầy nghệ thuật vẽ cảnh chiều nơi thôn dã.

Cảnh chiều tà từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng cho các thi sĩ, bởi không gian buổi chiều tà thường gợi cho con người nhiều cảm xúc đặc biệt. Bà Huyện Thanh Quan miêu tả cảnh Đèo Ngang vào một buổi chiều tà:

*“Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà*

*Cỏ cây chen lá, đá chen hoa”*

Hay nhân vật cô gái trong câu ca dao:

*“Chiều chiều ra đứng ngõ sau*

*Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.”*

Cô gái cũng nhớ gia đình vào thời gian đó. Cảnh chiều tà gợi lên trong tâm hồn thi sĩ nỗi suy tư về kiếp người ngắn ngủi, có khi lại gợi lên nỗi niềm nhớ nước, nhớ quê hương, có khi lại gợi lên sự đồng điệu trong tâm hồn thi sĩ với thiên nhiên, cảnh vật.

Lời thơ mở đầu tả cảnh chiều hôm của vua Trần Nhân Tông hiện lên nửa thực, nửa hư:

*“Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên*

*Bán vô bán hữu tịch dương biên”*

Cảnh vật hiện ra không rõ nét, nửa hư nửa thực, mờ ảo. Đó là cảnh chiều muộn cảnh vật nhạt nhòa trong sương, thể hiện vẻ đẹp mơ màng, yên tĩnh nơi thôn dã. Cảnh đó một phần là thực một phần do cảm nhận riêng của tác giả. Khung cảnh vừa như thực lại vừa như cõi mộng “bán vô bán hữu” - nửa như có nửa như không. Thời gian buổi chiều gợi nên nỗi buồn man mác, không gian làng quê im ắng, tĩnh mịch. Điều đó cho thấy một tâm hồn tinh tế nhạy cảm trước vẻ đẹp giản dị của cuộc sống.

Bút pháp điểm nhãn, lấy động để tả tĩnh của tác giả được thể hiện một cách ấn tượng về bức tranh đồng quê này:

*“Mục đồng sáo vẳng trâu về hết*

*Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.”*

Tình quê và hồn quê chan hòa, dào dạt. Thiên Trường thuở ấy, đường sá rầm rập ngựa xe, có biết bao cung điện của vua chúa, tôn thất nhà Trần, nhưng Trần Nhân Tông không nói đến lầu son gác tía, bệ ngọc ngai vàng tráng lệ nguy nga, mà chỉ nói đến cảnh sắc thiên nhiên. Tính bình dị, dân dã, hồn nhiên là cốt cách, là hồn thơ của ông vua anh hùng - thi sĩ này. Cảm nhận ấy càng rõ khi ta đọc bài thơ Hạnh Thiên Trường hành cung (Ngự chơi hành cung Thiên Trường):

*“Cảnh thanh u, vật cũng thanh u*

*Mười mấy châu tiền ấy một châu*

*Trăm tiếng đàn chim, đàn nhạc hát,*

*Nghìn hàng đám quýt, đám quân hầu.*

*Trăng vô sự chiếu người vô sự*

*Nước có thu lồng trời có thu*

*Vừa bốn bể trong, vừa bụi lặng,*

*Độ xưa so với độ này thua”.*

Cảnh buổi chiều được nói đến trong bài Hạnh Thiên Trường hành cung là cảnh chiều xuân hay chiều thu? Rất khó xác định. Ta chỉ cảm nhận được đó là một buổi chiều êm đềm, xóm thôn phủ mờ sương khói tà dương. Không gian nghệ thuật và tâm trạng nghệ đồng hiện cho ta khẳng định: Trần Nhân Tông viết Thiên Trường vãn vọng sau năm 1288, khi giặc Nguyên - Mông đã bị nhân dân ta đánh bại, nước Đại Việt thanh bình, yên vui.

Bài thơ tứ tuyệt *“Thiên Trường vãn vọng”* là một bức tranh quê đậm nhạt, mờ sáng, rất đẹp và tràn đầy sức sống. Một bút pháp nghệ thuật cổ điển tài hoa. Một tâm hồn thanh cao, yêu đời. Tình yêu thiên nhiên, yêu đồng quê xứ sở đã được thể hiện bằng một số hình tượng đậm đà, ấm áp qua những nét vẽ tinh tế, gợi hình, gợi cảm, giàu liên tưởng. Kì diệu thay, bài thơ đã vượt qua một hành trình trên bảy trăm năm, đọc lên, nó vẫn cho ta nhiều thú vị. Ta vẫn cảm thấy cánh cò trắng được nói đến trong bài thơ vẫn còn bay trong ráng chiều đồng quê, và còn chấp chới trong hồn ta. Thơ đích thực là thế!

**IV. Luyện tập**

**1. Dạng đề Đọc - Hiểu ngữ liệu trong và ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:  *“Trước xóm sau thôn tựa khói lồng*  *Bóng chiều dường như có lại dường như không.*  *Mục đồng sáo vẳng trâu về hết*  *Có trắng từng đôi liệng xuống đồng.”*  *(Ngô Tất Tố dịch, in trong Thơ về Lý - Trần, tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989,* *trang 464 - 465)*  **Câu 1**. Hãy xác định thể thơ của bài Thiên Trường vãn vọng và cho biết em dựa vào các yếu tố nào để nhận biết thể thơ đó?  **Câu 2.** Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào? Qua bài thơ giúp ta hiểu được gi về vua Trần Nhân Tông?  **Câu 3.** Cảnh vật ở hai câu thơ đầu được tái hiện vào khoảng thời gian nào? Chỉ ra mối liên hệ giữa thời gian và các hình ảnh được miêu tả.  **Câu 4**. Những hình ảnh ở hai câu thơ cuối đã gợi lên một bức tranh cuộc sống như thế nào?  **Câu 5**. Bài thơ tái hiện cảnh vật và cuộc sống con người trong nhiều khoảng không gian. Em hãy chỉ ra những khoảng không gian đó theo trình tự được miêu tả trong bài thơ.  **Câu 6**. Quang cảnh làng quê được hiện lên trong bài thơ như thế nào?  **Câu 7**. Theo em qua bức tranh thiên nhiên và cuộc sống được tái hiện trong bài thơ, tác giả đã bộc lộ cảm xúc, tâm trạng gì?  **Câu 8**. Câu kết trong bài thơ tứ tuyệt Đường luật thường để lại dư âm. Hãy cho biết câu kết trong Thiên Trường vãn vọng có thể gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì.  **Câu 9**. Tác giả Thiên Trường vãn vọng còn là một vị vua. Điều đó gợi cho em những suy nghĩ gì khi đọc bài thơ? |

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

**Câu 1.**

- Thể thơ của bài "Thiên Trường vãn vọng": Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

- Các yếu tố nhận biết: Có 4 câu thơ trong một bài, mỗi câu 7 chữ, chữ cuối ở các câu 1,2 và 4 vần với nhau. Bốn câu thơ tương ứng với 4 phần là Khai, thừa, chuyển, hợp.

**Câu 2.** Hoàn cảnh sáng tác: Khi nhà thơ có dịp về thăm quê cũ ở Thiên Trường.

Qua bài thơ ta thấy Trần Nhân Tông: Một vị vua gắn bó máu thịt với quê hương thôn dã.

**Câu 3.**

- Cảnh vật ở hai câu thơ đầu được tái hiện vào buổi chiều tà (hoàng hôn).

- Mối liên hệ giữa thời gian và các hình ảnh được miêu tả: Các thôn xóm đã chìm dần trong sương khói như mơ như thực. (Khi chiều xuống thường có lớp sương bao quanh gióng như làn khói). Một khung cảnh làng quê thật thanh bình và êm ả, nên thơ.

**Câu 4**. Những hình ảnh ở hai câu thơ cuối đã gợi lên một bức tranh cuộc sống có phần nhộn nhịp, phá tan khung cảnh tĩnh lặng ở hai câu đầu.

+ Tiếng sáo của những cô cậu chăn trâu làm cho bức tranh thôn quê trở nên nhộn nhịp đầy sức sống. Trong tiếng sáo, những đứa trẻ lùa trâu về nhà, thật chậm rãi, thật yên bình.

+ Xa xa ngoài đồng, từng đôi cò trắng bay liệng xuống đồng làm cho không gian bớt sự tĩnh mịch.

Ở hai câu này, tác giả cảm nhận bức tranh làng quê bằng cả thị giác và tính giác khác hẳn 2 câu đầu. Điều này đã gợi ra một không gian rộng lớn, thoáng đãng với bầu trời cao rộng và con người, động vật hối hả về nhà.

**Câu 5.** Những khoảng không gian tái hiện cảnh vật và cuộc sống con người theo trình tự được miêu tả trong bài thơ:

- Không gian thôn xóm: Thôn xóm chìm dưới màn khói chiều.

- Không gian đồng quê: Trẻ mục đồng đã khuất sau những thôn trước, thôn sau. Những cánh cò trắng chao liệng xuống dưới những cánh đồng

**Câu 6.** Cảnh vật buổi chiều hiện lên nửa thực, nửa ảo tạo nên khung cảnh nên thơ, huyền ảo và thanh bình.

**Câu 7.** Qua bức tranh thiên nhiên và cuộc sống được tái hiện trong bài thơ, tác giả đã bộc lộ cảm xúc, tâm trạng như đang chìm đắm mơ màng trong không gian chiều tà dung dị. Trong lòng trào dâng một tình yêu tha thiết đối với xóm làng quê hương đất nước thân thương.

**Câu 8**. Câu kết trong bài thơ tứ tuyệt Đường luật: Bạch lộ song song phi hạ điền (Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng).

- Hình ảnh “cò trắng từng đôi liệng xuống đồng” gợi vẻ đẹp yên bình, tiêu biểu cho làng quê Việt Nam. Làm cho không gian được mở ra, trở nên thoáng đãng, cao rộng, trong sạch, yên ả. Qua đó còn cho thấy sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên, đem lại cảm giác thân quen, gần gũi.

**Câu 9.** Tác giả Thiên Trường vãn vọng còn là một vị vua. Điều đó gợi cho em cảnh tượng buổi chiều ở phủ Thiên Trường là cảnh tượng vùng quê trầm lặng, le lói sự sống con người với cảnh vật thiên nhiên rất đỗi nên thơ. Một vị vua mà sáng tác những vần thơ gợi cảm như thế chứng tỏ đây phải là con người vừa có địa vị tối cao nhưng tâm hồn gắn bó sâu sắc với quê hương. Qua bài thơ Thiên Trường vãn vọng, vua Trần Nhân Tông đã bộc lộ tình yêu với quê hương, nhân dân và thể hiện được tâm hồn lạc quan, yêu đời. Bài thơ của Trần Nhân Tông đã đóng góp thêm một vầng sáng nữa cho bầu trời văn thơ đời Trần.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  **Phiên âm:**  *Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan Trùng san chi ngoại hựu trùng san Trùng san đăng đáo cao phong hậu Vạn lý dư đồ cố miện gian.*  **Dịch thơ:**  *Đi đường mới biết gian lao*  *Núi cao rồi lại núi cao trập trùng*  *Núi cao lên đến tận cùng*  *Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non*  *(Đi đường - Hồ Chí Minh)*  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đat chính của bài thơ? Cho biết bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu đặc điểm của thể thơ đó?  **Câu 2.** Khái quát nội dung chính của bài thơ?  **Câu 3**. Trong phần phiên âm, hai dòng thơ đầu, Bác sử dụng biện pháp tu từ nào? Chỉ ra tác dụng?  **Câu 4.** Câu thơ Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan thể hiện hành động nói nào?  **Câu 5.** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong bài thơ trên.  **Câu 6.** Khái quát nội dung tư tưởng của bài thơ em vừa chép.  **Câu 7**. Từ bài thơ đi đường em rút ra được bài học cho bản thân trong cuộc sống? |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1.**

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt

- Đặc điểm:Có 4 câu thơ trong một bài, mỗi câu 7 chữ, chữ cuối ở các câu 1,2 và 4 vần với nhau. Bốn câu thơ tương ứng với 4 phần là Khai, thừa, chuyển, hợp.

**Câu 2:**

- Khái quát nội dung chính của bài thơ

- Từ những gian khổ mà người tù gặp phải trong hành trình chuyển lao đường núi, bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, ung dung tự tại của người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh, qua đó nói lên ý nghĩa triết lí cao cả: vượt qua gian lao thử thách sẽ đến được thắng lợi vẻ vang.

**Câu 3.**

- Điệp ngữ: Trùng san, tẩu lộ

- Ẩn dụ: Đường núi ẩn dụ cho đường đời, con đường cách mạng, luôn chông gai, gian lao thử thách.

=> Tác dụng: Gây ấn tượng làm tang sức gợi hình, gợi cảm.

- Nhấn mạnh làm nổi bật sự trải nghiệm nỗi gian lao khổ sở chồng chất của việc đi đường núi, làm nổi bật sức mạnh tinh thần của Bác.

**Câu 4**.

- Câu thơ *Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan* thể hiện hành động nói: trình bày

**Câu 5.**

- Biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ trên: Ẩn dụ và điệp ngữ

**Câu 6.**

**-** Giá trị nội dung tư tưởng**:**  Bài thơ khắc họa chân thực những gian khổ mà người tù gặp phải, đồng thời thể hiện thể hiện chân dung tinh thần người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh, nói lên ý nghĩa triết lí cao cả: từ việc đi đường núi mà hiểu được đường đời: Vượt qua gian lao thử thách sẽ đi được tới thắng lợi vẻ vang

**Câu 7.** Học sinh tự bộc lộ

- Đi đường nhắn nhủ đến chúng ta rằng muốn đến đích và thực hiện được ước mơ, lý tưởng thì con người phải trải qua nhiều vất vả, gian lao. Đối diện với những gian lao, trắc trở, nếu con người không có ý chí quyết tâm, không có nghị lực, không có niềm tin thì sẽ không bao giờ đạt được ước muốn.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  **Phiên âm:**  *Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên, Dao khan bộc bố quải tiền xuyên. Phi lưu trực há tam thiên xích, Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.*  **Dịch thơ:**  *Nắng rọi Hương Lô khói tía bay*  *Xa trông dòng thác trước sông này*  *Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước*  *Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây.*  *(Trích Xa ngắm thác núi Lư - Lí Bạch, tuyển tập thơ Đường)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đat chính của bài thơ? Cho biết bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu đặc điểm của thể thơ đó?  **Câu 2.** Câu thơ thứ nhất miêu tả cảnh gì? Hình ảnh miêu tả trong câu này đã tạo nền cho miêu tả câu sau như thế nào?  **Câu 3.** Nêu những vẻ đẹp khác nhau của thác nước đã được Lí Bạch phát hiện?  **Câu 4.**Qua đặc điểm cảnh vật được miêu tả, ta có thể thấy những nét gì trong tâm hồn và tính cách nhà thơ? |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt

- Đặc điểm:Có 4 câu thơ trong một bài, mỗi câu 7 chữ, chữ cuối ở các câu 1,2 và 4 vần với nhau. Bốn câu thơ tương ứng với 4 phần là Khai, thừa, chuyển, hợp.

**Câu 2.** - Hình ảnh được miêu tả trong câu thơ thứ nhất:

+ Nhà thơ Lí Bạch đã miêu tả thác nước vào lúc mặt trời chiếu rọi ánh nắng.

+ Thác nước bắn tung bọt, hơi nước tỏa ra như sương khói, mặt trời phản ánh sáng sinh ra những khói tía huyền ảo.

+ Thác nước ở trên đỉnh núi giống như một chiếc lò khổng lồ nghi ngút khỏi hương trầm tỏa lên bầu trời.

- Ý nghĩa: câu thơ đầu tả núi Hương Lô có tác dụng làm phông nền cho hình ảnh của thác nước được miêu tả cụ thể ở ba câu tiếp theo.

**Câu 3.** Câu thơ 2:*Dao khan bộc bố quải tiền xuyên.*

+ Nhà thơ đứng từ xa quan sát thấy thác nước tuôn xuống ầm ầm biến thành dải lụa trắng rủ xuống yên ắng

+ Chữ “quải” biến cái động thành tĩnh, thống nhất với cảm nhận của tác giả

*- Câu thơ 3:* Phi lưu trực há tam thiên xích

+ Câu thơ từ tĩnh chuyển sang động: phi lưa (chảy như bay) gợi người đọc mường tượng một thế núi cao.

+ Trực há (thẳng xuống) mường tượng ra một sườn núi dốc đứng.

+ Tam thiên xích (ba nghìn thước) con số ước lệ, khoa trương nhưng đọc lên vẫn thấy chân thực lạ thường.

**-** Câu thơ 4:*Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.*

+ Nhà thơ đứng giữa ranh giới giữa hư với thực

+ Tưởng tượng ra con thác giống như dải ngân hà giống như hàng ngàn ngôi sao lạc khỏi vũ trụ để rơi xuống

+ Tác giả gợi lên cảm xúc kì diệu trong lòng bạn đọc khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp hiếm có.

**Câu 4.**

- Qua việc sử dụng từ ngữ cũng như qua đặc điểm các hình ảnh trong bài thơ, chúng ta có thể thấy ở tâm hồn và tính cách của nhà thơ Lí Bạch: một tình cảm bao la, cảm xúc sâu lắng phát xuất từ tình yêu thiên nhiên say đắm mãnh liệt của nhà thơ. Dưới ngòi bút của thi tiên, hình ảnh thác núi Lư đẹp đẽ kì vĩ và tráng lệ sinh động lạ thường. Hình ảnh thác núi Lưu như “dải Ngân Hà tuột khỏi mây” làm cho người đọc liên tưởng đến các hình ảnh “sông Hoàng chảy vỡ núi Côn Lôn” (bài Công Vô Độ hà), “sông Hoàng sợi tơ từ trời xuống” (bài Tây Nhạc Vân Đài ca tống Đan Khâu) … đủ thấy tâm hồn Lí Bạch lãng mạn và bay bổng đến dường nào, biểu lộ ước vọng khao khát mạnh mẽ về lẽ sống của ông.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  *Thân em vừa trắng lại vừa tròn* *Bảy nổi ba chìm với nước non* *Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn* *Mà em vẫn giữ tấm lòng son*  *(Ngữ văn 7- tập 1, trang 94)*  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên? Cho biết thể thơ và nêu đặc điểm?  **Câu 2.** Bài thơ đã sử dụng những cặp từ trái nghĩa nào? Tìm 2 quan hệ từ có trong bài thơ trên.  **Câu 3.** Bài thơ đã mượn hình ảnh cái bánh trôi để nói về thân phận con người. Cách nói này có gì giống và khác với truyện ngụ ngôn ?  **Câu 4.** Hồ Xuân Hương đã vận dụng thành công hình ảnh ca dao nào trong bài thơ? Chỉ ra mối liên quan trong cảm xúc giữa bài thơ “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương với các câu ca dao đó?  **Câu 5.** Viết đoạn văn biểu cảm về hình ảnh người phụ nữ qua bài thơ trên. Từ đó em có suy nghĩ gì về người phụ nữ trong xã hội ngày hôm nay |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt

- Đặc điểm:Có 4 câu thơ trong một bài, mỗi câu 7 chữ, chữ cuối ở các câu 1,2 và 4 vần với nhau. Bốn câu thơ tương ứng với 4 phần là Khai, thừa, chuyển, hợp.

**Câu 2.** Cặp từ trái nghĩa: Rắn - nát, nổi - chìm.

**-** Quan hệ từ: Với, mà

**Câu 3.** Hồ Xuân Hương vận dụng thành công hình ảnh ca dao dân ca bằng cụm từ: Thân em.

- Về mạch cảm xúc, cả bài thơ Bánh trôi nước của HXH và những câu ca dao than thân đều đề cập đến thân phận hẩm hiu, số phận bất hạnh, không tự quyết định được của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đều nhìn họ với cái nhìn của sự cảm thông, sẻ chia và tố cáo xã hội bất công chà đạp lên thân phận người phụ nữ.

**Câu 4.** Học sinh trình bày theo hình thức đoạn văn:

**a. Mở đoạn:**

- Bài thơ Bánh trôi nước của nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã gợi lên trong long em niềm cảm thương cho số phận hẩm hiu nhưng cũng trân trọng vẻ đẹp của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**b. Thân đoạn:** Cần triền khai làm rõ:

+ Thương cảm xót xa cho số phận người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương: Hình ảnh người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương cuộc đời của họ long đong vất vả “*bẩy nổi ba chìm”* như chiếc bánh trôi. Số phận của họ cũng đắng cay bất hạnh, rắn hay nát, hạnh phúc hay bất hạnh bị phụ thuộc vào “tay kẻ nặn, là người chồng, người cha, là xã hội phong kiến đầy rẫy những bất công tàn bạo…

+ Tự hào và yêu quý về phẩm chất người phụ nữ trong xã hội xưa. Đó là vẻ đẹp của người phụ nữ về hình thể qua tính từ “trắng”, “tròn”. Đó còn là vẻ đẹp của người con gái trẻ trung đầy sức sống. Đặc biệt cuộc đời họ gặp nhiều đau khổ bất hạnh, nhưng người phụ nữ vẫn giữ được những phẩm chất cao đẹp của mình” mà em vẫn giữ tấm lòng son…

- Liên hệ với người phụ nữ trong những bài ca dao khác và trong văn thơ trung đại (Kiều, Vũ Nương…) để thấy được họ đều là những người phụ nữ đẹp người đẹp nết nhưng lại có số phận đau khổ bất hạnh mà nguyên nhân sâu xa đó không phải ai khác chính là xã hội phong kiến đầy rẫy bất công và tàn bạo….

- Liên hệ với cuộc sống hôm nay: Để có những cảm xúc và suy nghĩ đúng đắn chân thành: Từ cảm xúc yêu quý tự hào về XH đổi thay, người phụ nữ được đổi đời, được thể hiện tài năng và sắc đẹp trong mọi lĩnh vực xã hội nhưng cuộc sống vẫn còn có những mảnh đời số phận đau khổ để phấn đấu xây dựng cho một xã hội tốt đẹp hơn…

**c. Kết đoạn:**

- Khẳng định niềm tin tưởng vào vẻ đẹp và giá trị của người phụ nữ xưa và nay.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  *Ông đứng làm chi đó hỡi ông?*  *Trơ trơ như đá, vững như đồng.*  *Đêm ngày gìn giữ cho ai đó?*  *Non nước đầy vơi có biết không?*  *(Theo Ông phỗng đá - Nguyễn Khuyến)*  **Câu 1.** Xác định thể thơ nêu đặc điểm của thể thơ đó và phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên?  **Câu 2**. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?  **Câu 3**. Hình ảnh *non nước đầy vơi* hàm chứa ý nghĩa gì?  **Câu 4**. Nêu hiệu quả của việc sử dụng các câu hỏi tu từ trong bài thơ.  **Câu 5**. Theo anh/chị, bài thơ gửi đến người đọc thông điệp gì? |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt

- Đặc điểm:Có 4 câu thơ trong một bài, mỗi câu 7 chữ, chữ cuối ở các câu 1,2 và 4 vần với nhau. Bốn câu thơ tương ứng với 4 phần là Khai, thừa, chuyển, hợp.

**Câu 2.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ: Ông Phỗng đá

**Câu 3.** Hình ảnh non nước đầy vơi hàm chứa ý nghĩa: Xã hội phong kiến đang có sự biến động, thực dân Pháp xâm lược, triều đình bạc nhược. các phong trào yeu nước bị dập tắt.

**Câu 4.** Tác dụng các câu hỏi tu từ nhằm thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm trước sự thờ ơ, vô cảm, vô trách nhiệm của đám quan lại, triều đình phong kiến trước sự suy vong của đất nước.

**Câu 5.** Thông điệp bài thơ gửi tới: Phản ánh thực trạng đau thương của đất nước và đánh thức tinh thần trách nhiệm của quan lại, triều đình phong kiến để giữ gìn, bảo vệ đất nước.

**2. Dạng đề Đọc hiểu cấu trúc mới**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,  
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?  
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,  
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*

**Dịch thơ:**

*Trong tù không rượu cũng không hoa*

*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

*(Trích Ngắm trăng, Nhật kí trong tù của Hồ Chí Minh)*

**Câu 1:** Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

**A. Thất ngôn tứ tuyệt** B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn D. Tự do

**Câu 2:** Bài thơ được sáng tác bằng chữ?

A. Chữ quốc ngữ **B. Chữ Hán** C. Chữ Nôm D. Chữ Pháp

**Câu 3:** Tập thơ Nhật kí trong tù được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Trong hoàn cảnh Bác Hồ đang hoạt động cách mạng ở Pháp.

**B. Trong hoàn cảnh Bác Hồ bị giam trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây (Trung Quốc).**

C. Trong thời gian Bác Hồ ở Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

D. Trong thời gian Bác Hồ ở Hà Nội để lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống

**Câu 4:** " Minh nguyệt " có nghĩa là gì?

**A. Trăng sáng**          B. Trăng đẹp            C. Trăng soi        D. Ngắm trăng

**Câu 5:** Dòng nào nói đúng nhất hoàn cảnh ngắm trăng của Bác Hồ trong bài thơ “Ngắm trăng”?

A. Trong khi đang đàm đạo việc quân trên thuyền.

B. Trong đêm không ngủ vì lo lắng cho vận mệnh đất nước.

**C. Trong nhà tù thiếu thốn không rượu cũng không hoa.**

**Câu 6:** Hai câu thơ đầu giúp ta hình dung tâm trạng của người như nào?

A. Người đang bị giam trong tù với tâm trạng lo nghĩ, thất vọng

**B. Ung dung, thả hồn mình hòa với thiên nhiên**

D. Có những suy tư, lo lắng cho con đường cách mạng của minh

D. Trên đường đi hiu quạnh từ nhà tù này sang nhà tù khác.

**Câu 7:** Câu thơ cuối Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. So sánh     C. ẩn dụ B. Điệp từ     **D. Nhân hoá**

**Câu 8:** Ý nào không đúng về bài thơ Ngắm trăng?

**A. Bài thơ đơn thuần tả và kể chuyện ngắm trăng**

B. Bài thơ trích trong tập Nhật kí trong tù.

C. Bài thơ vừa có nghĩa đen, vừa có nghĩa bóng.

D. Nguyên bản bài thơ viết theo thể tứ tuyệt.

**Câu 9**. Đọc bài thơ em học tập được điều gì ở Bác?

**Câu 10**. Viết đoạn văn từ 8 - 10 dòng trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ cuối?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | B | B | A | C | B | D | A |   **Câu 9.** Đọc bài thơ em học tập được ở Bác:  - Học tập ở Bác tình yêu thiên nhiên, yêu trăng, yêu cái đẹp của tự nhiên.  - Học tập ở Bác phong thái ung dung lạc quan.  - Yêu Đảng, yêu Bác, yêu Cách mạng.  **Câu 10.** Viết đoạn văn khoảng 8 câu trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ cuối bài thơ Đoạn văn cần đảm bảo các ý chính sau: **a. Mở đoạn:** Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề Hai câu cuối của bài thơ là sự giao hòa của Bác với trăng, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên đến say mê, phong thái ung dung lạc quan, khát vọng tự do của Bác ngay trong cảnh ngục tù đọa đày, tối tăm. **b. Thân đoạn:** + Nội dung: Dù ttrong hoàn cảnh ngục tù tối tăm, thiếu thốn, đày đọa về thân xác, qua song sắt nhà tù, Bác vẫn say mê ngắm trăng qua, thả hồn theo ánh trăng sáng và gửi gắm vào đó khát vọng tự do cháy bỏng. Đáp lại, vầng trăng đã vượt qua song sắt để ngắm Bác. Vậy là cả người và trăng đều chủ động tìm đến nhau. Vầng trăng lung linh bỗng chốc biến thành người bạn tri ân tri kỉ của Bác.  **c. Kết đoạn**  - Khẳng định lại tình cảm của Bác với vầng trăng |

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang,*

*Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.*

*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,*

*Cuộc đời cách mạng thật là sang*

*(Trích Tức cảnh Pác Bó - Hồ Chí Minh)*

**Câu 1:** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

**A. Thất ngôn tứ tuyệt**  B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn D. Tự do

**Câu 2:** Dòng nào nói đúng nhất giọng điệu chung của bài Tức cảnh Pác Bó?

A. Giọng tha thiết, trìu mến.

**B. sảng khoái, tự nhiên, hóm hỉnh**

C. Giọng nghiêm trang, chừng mực.

D. Giọng buồn thương, phiền muộn.

**Câu 3:** Dòng nào diễn tả đúng nhất nghĩa của từ “chông chênh”?

**A. Không vững chãi vì không có chỗ dựa chắc chắn.**

B. Ở thế không vững, lắc lư nghiêng ngả như chực ngã.

C. Cao và không có chỗ bấu víu, luôn đu đưa, nguy hiểm.

D. Ở trạng thái bất định, khi lên khi xuống, khi nghiêng qua khi ngả lại.

**Câu 4:** Nhận xét nào nói đúng nhất tâm trạng của Bác Hồ được thể hiện qua câu thơ cuối

“Cuộc đời cách mạng thật là sang”

A. Vui thích vì được sống chan hòa với thiên nhiên.

B. Tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước.

**C. Lạc quan với cuộc sống cách mạng đầy gian khổ**

D. Người đang an ủi, động viên chính mình vượt qua khó khăn

**Câu 5:** Trong bài thơ, cuộc sống vật chất của Bác Hổ như thế nào?

A. Bác Hồ được sống một cuộc sống vật chất đầy đủ, sang trọng.

B. Bác Hồ sống bình dị nhưng không hề thiếu thốn.

**C. Bác Hồ sống với cuộc sống thiếu thốn, gian khổ nhưng Bác vẫn cho rằng đó là một cuộc sống sang trọng.**

D. Bác Hồ sống một cuộc sống tẻ nhạt, buồn chán, không có ý nghĩa.

**Câu 6:** Nhận định nào nói đúng nhất về con người Bác trong bài thơ Tức cảnh Pác Bó?

A. Bình tĩnh và tự chủ trong mọi hoàn cảnh.

**B. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn.**

C. Quyết đoán, tự tin trước mọi tình thế của cách mạng.

D. Yêu nước thương dân, sẵn sàng cống hiến cả cuộc đời cho Tổ quốc.

**Câu 7:** Nội dung của bài thơ là

A. Hiện thực cảnh sinh hoạt bình dị, nề nếp, gian khổ, thiếu thốn của Bác.

B. Thể hiện tình yêu thiên nhiên của người chiến sĩ cách mạng.

C. Vẻ đẹp tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của bác Hồ trong cuộc sống cách mạng gian lao ở Pác Bó.

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 8:**Nhận định nào nói đúng nhất về con người Bác trong bài thơ Tức cảnh Pác Bó*?*

A. Bình tĩnh và tự chủ trong mọi hoàn cảnh.

**B. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn.**

C. Quyết đoán, tự tin trước mọi tình thế của cách mạng.

D. Yêu nước thương dân, sẵn sàng cống hiến cả cuộc đời cho Tổ quốc.

**Câu 9**. Nhận xét tâm trạng, cảm xúc của Bác khi ở Pác Bó?

**Câu 10**. Nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ? Tại sao Bác Hồ cảm thấy cuộc sống gian khổ đó thật là sang?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | B | A | C | C | B | D | B |   **Câu 9.** Nhận xét về tâm trạng cảm xúc trong bài  - Bác cảm thấy vui vẻ, lạc quan yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu công việc cách mạng, luôn làm chủ cuộc sống dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.  - Nhận xét tâm trạng, cảm xúc của Bác:  - Bác luôn lạc quan, vui vẻ, yêu thiên nhiên, cuộc sống, yêu công việc kháng chiến, luôn làm chủ được cuộc sống dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.  **Câu 10.**  Ý nghĩa nhan đề: "Tức cảnh" có nghĩa là nhìn cảnh vật làm người ta có cảm xúc bật ngay ra 1 bài thơ, cho thấy bác rất lạc quan khi làm việc ở Pác Pó hoàn cảnh sáng tác: Sau ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, tháng 2-1941 Bác Hồ trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở trong nước.  - Mặc dù ở Pác Bó thiếu thốn về điều kiện làm việc thế nhưng Bác vẫn làm tốt công việc cách mạng của mình. Dù có khó khăn, gian khổ Bác vẫn làm cho công việc cách mạng của mình thật là sang. Điều đó chứng tỏ Bác vẫn lạc quan trong công việc dù có khó khăn đến đâu. Sự khó khăn gian khổ thiếu thốn về vật chất không làm nao núng tinh thần người chiến sĩ cách mạng, trái lại Bác còn cảm thấy thế là đủ, thế là sang. |

**ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,  
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.  
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

*(Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)*

**Câu 1:** Hai bài thơ “Cảnh khuya” được viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự  **B. Biểu cảm**  C. Nghị luận  D. Miêu tả

**Câu 2:** Bài thơ được viết theo thể loại thơ nào?

A. Lục bát B. Song thất lục bát

C.Thất ngôn bát cú **D.Thất ngôn tứ tuyệt**

**Câu 3:** Bài thơ miêu tả cảnh vật ở đâu?

A. Thủ đô Hà Nội. **B. Việt Bắc.**  C. Tây Bắc. D. Nghệ An.

**Câu 4:** Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Trước Cách mạng tháng Tám, Bác Hồ mới về nước.

B. Những năm tháng hòa bình ở miền Bắc sau kháng chiến chống Pháp.

**C. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.**

D. Những năm tháng kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược.

**Câu 5:** Vẻ đẹp hai câu thơ đầu của bài Cảnh khuya là:

A. Sử dụng có hiệu quả phép so sánh và nhân hóa.

**B. Miêu tả âm thanh tinh tế và hình ảnh sinh động.**

C. Vận dụng sáng tạo những hình ảnh quen thuộc của Đường thi.

D. Kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm trực tiếp.

**Câu 6:** Dòng nào sau đây dịch nghĩa cho câu thơ “Yên ba thâm xứ đàm quân sự” ?

**A. Nơi sâu thẳm mịt mù khói sóng bàn việc quân.**

B. Đêm nay, đêm rằm tháng giêng, trăng đúng lúc tròn nhất.

C. Sông xuân, nước xuân tiếp giáp với trời xuân.

D. Nửa đêm quay về trăng đầy thuyền.

**Câu 7:** Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ Cảnh khuya là:

A. Cảnh vật vừa có màu sắc cổ điển vừa toát lên sức sống của thời đại.

B. Tâm hồn thi sĩ kết hợp thật đẹp với phẩm chất chiến sĩ trong con người Hồ Chí Minh.

C. Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật có giá trị biểu cảm cao.

**D. Tất cả đều đúng.**

**Câu 8. Đặc sắc cả về nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ Cảnh khuya là:**

A. Cảnh vật có màu sắc cổ điển vừa toát lên sức sống của thời đại

B. Tâm hồn thi sĩ kết hợp thật đẹp với phẩm chất chiến sĩ trong con người Hồ Chí Minh

C. Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật có giá trị biểu cảm cao.

**D. Gồm cả 3 yếu tố trên**

**Câu 9.** Hai câu thơ cuối tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì Nêu tác dụng? Qua đó em hiểu được tâm trạng gì của Bác?

**Câu 10.** Từ hoàn cảnh sáng tác bài thơ em hiểu gì về con người của Bác?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | B | D | B | C | B | A | D | D |   **Câu 9.** Tác dụng sự lặp lại của điệp từ:" chưa ngủ":  - Thể hiện sự hòa hợp giữa con người và cảnh vật => cảnh càng khuya càng làm nỗi rõ con người; con người càng thức khuya càng thấy sự hữu tình của cảnh.  Chưa ngủ là vì chưa muốn ngủ - thế chủ động => dành thời gian để ngắm cảnh, để lo việc nước, chứ không phải là vì không ngủ được => sự sâu sắc của tâm trạng và tình cảm  ⇒ Điệp ngữ “chưa ngủ” đặt lặp lại ở cuối câu thứ ba và đầu câu thứ tư là một bản lề mở ra hai phía của tâm trạng trong một con người Hồ Chí Minh.  **Câu 10.** Mặc dù ra đời trong hoàn cảnh hết sức khó khăn của đất nước, vận mệnh dân tộc đang nghìn cân treo sợi tóc, nhưng hai bài thơ vẫn thể hiện được phong thái ung dung, tình thần lạc quan, tâm hồn chan hòa thiên nhiên, say đắm thưởng ngoạn vẻ đẹp của thiên nhiên trong mọi hoàn cảnh. Đồng thời ẩn trong mỗi câu thơ tả cảnh ngụ tình ấy là nỗi niềm lo lắng, canh cánh trong lòng suy nghĩ cho nhân dân, vận mệnh nước nhà của Bác |

**ĐỀ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

**3. Viêt kết nối với đọc**

**Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) trình bày cảm nhận của em về nhan đề hoặc một hình ảnh đặc sắc trong bài thơ***Thiên Trường vãn vọng***.**

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

*“Thiên Trường vãn vọng”* là bài thơ mang tình quê thắm thiết của Trần Nhân Tông - một vị vua, nhà văn hóa tiêu biểu của Việt Nam. Đây cũng là tác phẩm in dấu vẻ đẹp yên bình của thôn quê Việt Nam. Vẻ đẹp cảnh vật thiên nhiên trong bức tranh quê hương hiện lên với hình ảnh cảnh chiều tà khi hoàng hôn đang dần buông xuống. Thời gian buổi chiều tà, sắp về tối. Không gian trước xóm sau thôn – khung cảnh làng quê Việt Nam. Phong cảnh mờ ảo, vừa như có lại vừa như không có, vừa thực, lại vừa không có thực gợi nên quang cảnh làng quê yên bình đang mờ trong sương khói, cảnh vừa có nét thực vừa có nét ảo. Hình ảnh về một chú bé mục đồng – trẻ chăn trâu đã gợi lên trong tác giả những kỉ niệm về tuổi thơ của chính mình. Đàn trâu thông thả trở về. Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng. Tiếng sao văng vẳng đâu đó nơi chốn làng quê. Cảnh vật bình dị, gần gũi, quen thuộc với làng quê Việt Nam, thể hiện sự hòa quyện, đan xen giữa con người và thiên nhiên. Phía sau cảnh vật là là tiếng lòng của tác giả, nó chứa đựng một nỗi buồn xót xa. Bài thơ “Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra” đã gợi nhắc trong lòng người đọc những xúc cảm tinh tế khi nhớ về quê hương.

**BÀI 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT NHẬN DIỆN ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG CỦA BIỆN PHÁP TU TỪ ĐẢO NGỮ**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được đặc điểm và hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ để vận dụng vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập về biện pháp tu từ đảo ngữ

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ.

**B. NỘI DUNG**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Khái niệm**

- Đảo ngữ là hiện tượng đảo ngược vị trí động từ, trợ từ lên trước chủ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc của người viết hoặc tạo hình ảnh, đường nét, chiều sâu cho lời văn, ý thơ. Tuy nhiên việc thay đổi trật tự từ này không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có của câu, sự thay đổi này chỉ mang dụng ý nghệ thuật, làm tăng tính gợi hình và truyền cảm cho diễn đạt.

Ví dụ:

*"Lom khom dưới núi, tiều vài chú*

*Lác đác bên sông, rợ mấy nhà"*

*(Qua đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)*

Nếu theo đúng cấu trúc ngữ pháp thông thường sẽ là "Vài chú tiều lom khom dưới núi" và "Bên sông lác đác rợ mấy nhà". Tuy nhiên ở đây thi nhân đã đảo các tính từ "lom khom" và "lác đác" ở vị trí vị ngữ lên đầu câu để nhấn mạnh cho dánh vẻ nhỏ bé, cảnh vật hiu quạnh giữa không gian núi rừng rộng lớn, bao la nơi đèo ngang. Từ đó mà làm bật ra tâm trạng cô đơn, cô quanh được giấu kín trong tâm hồn tác giả.

**2. Phân loại đảo ngữ**

Hình thức của biện pháp đảo ngữ khá đa dạng, chúng ta có thể phân loại đảo ngữ thành hai loại như sau:

- Đảo ngữ các thành phần trong câu

Ví du: Đảo vị ngữ lên trước chủ ngữ "Lác đác bên sông rợ mấy nhà" thay vì "Mấy rợ, mấy nhà lác đác bên sông".

- Đảo ngữ các thành tố cụm từ

Ví dụ: Đảo ngữ các thành tố thành "Biếc đồi nương" thay vì "Đồi nướng biếc".

**3. Tác dụng biện pháp đảo**

Tác dụng chính của biện pháp tu từ đảo ngữ là giúp nhấn mạnh các hình ảnh, sự vật, con người để gây sự chú ý cho người đọc; thể hiện được những cảm xúc, tâm tư giấu kín của người viết, người nói. Ngoài ra đảo ngữ cũng là một biện pháp tu từ cho nên còn có tác dụng tăng sức gợi cảm, gợi hình và sinh động cho câu thơ, câu văn. Thay đổi trật tự câu từ để tạo ra dụng ý nghệ thuật, tạo ra sắc thái tu từ.

**II. Bài tập thực hành**

**Bài 1.**  Nêu tác dụng của biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong bài thơ sau;

*"Bên này là núi uy nghiêm*

*Bên kia là cánh đồng liền chân mây*

*Xóm làng xanh mát bóng cây*

*Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời"*

*(Quê em - Trần Đăng Khoa)*

**Hướng dẫn trả lời**

Các từ "xanh mát" ở trong câu thơ thứ ba và "trắng" ở trong câu thơ thứ tư; các tính từ này thường được diễn đạt như sau: bóng cây xanh mát, cánh buồm trắng. Cách diễn đạt đảo ngữ "xanh mát bóng cây", "trắng cánh buồm", làm cho hai tính từ được chuyển loại "xanh mát", "trắng" mang đặc điểm của động từ có tác dụng nhấn mạnh ý miêu tả và gợi cảm xúc cho người đọc.

**Bài 2**.

Hãy chỉ rõ các từ được dùng theo biện pháp đảo ngữ trong đoạn thơ dưới đây và nêu tác dụng gợi tả, gợi cảm của chúng

"*Dừng chân nghỉ lại Nha Trang*

*Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.*

*Xanh xanh mặt biển da trời,*

*Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên."*

**Hướng dẫn trả lời**

- Các từ được dùng theo biện pháp đảo ngữ trong đoạn thơ lần lượt là "hiu hiu" và "xanh xanh".

Tác dụng: "Hiu hiu" gợi mức độ nhẹ nhàng của cơn gió và cảm giác dễ chịu, thư thái trong cảnh vật và trong chính cảm xúc của tác giả - người khách qua đường nán lại dừng chân nghỉ ngơi.

- "Xanh xanh" gợi màu sắc của biển trời và cảm xúc có phần lạ lẫm, bất ngờ của tác giả trước thiên nhiên, đất trời tươi đẹp nơi đây.

Như vậy, cả hai từ đều có tác dụng làm tăng tính gợi hình mạnh mẽ cho ý thơ, khiến người đọc hình dung ra trước mắt một khung cảnh thiên nhiên nên thơ, trữ tình.

**Bài 3:**Những câu nào trong đoạn thơ, đoạn văn dưới đây có chủ định diễn đạt ngược với trật tự bình thường của các bộ phận trong câu (đảo ngữ – ví dụ: bộ phận vị ngữ đặt trước bộ phận chủ ngữ)? Tác giả diễn đạt như vậy nhằm nhấn mạnh ý gì?

a.

*Đã tan tác những bóng thù hắc ám*

*Đã sáng lại trời thu tháng Tám*

*Trên đường ta về lại Thủ đô*

*Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!*

*(Tố Hữu)*

b.

*Trong xanh ánh mắt*

*Trong vắt nhãn lồng*

*Chim ăn nhãn ngọt*

*Bồi hồi nhớ ông!*

*(Trần Kim Dũng)*

c.

*Mỗi mùa xuân thơm lừng hoa bưởi*

*Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương*

*…*

*Đẹp lắm anh ơi! Con sông Ngàn Phố!*

*Sáng cả đôi bờ hoa bưởi trắng phau!*

*(Tô Hùng)*

d. Đã qua rồi cái thời túp lều nửa sàn nửa đất, xiêu vẹo dựa vào lưng núi. Ngày nay, bốn mươi ngôi nhà, cột gỗ kê đá tảng, nằm giữa các vườn hoa quả.

Đặng Quang Tình

**Hướng dẫn trả lời**

**Những câu có đảo ngữ:**

a.

*Đã tan tác những bóng thù hắc ám*

*Đã sáng lại trời thu tháng Tám*

b.

*Trong xanh ánh mắt Trong*

*Trong vắt nhãn lồng*

c.

*Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương*

*… Sáng cả đôi bờ hoa bưởi trắng phau!*

d. Đã qua rồi cái thời túp lều nửa sàn nửa đất, xiêu vẹo dựa vào lưng núi.

- Diễn đạt như vậy nhằm nhấn mạnh các ý nêu trong bộ phận vị ngữ (“Đã tan tác”, “Đã sáng lại”, “Trong xanh”, “Trong vắt”, “Rắc trắng vườn nhà”, “Sáng cả đôi bờ”, “Đã qua rồi”).

**Bài 4.**

Chỉ ra câu thơ, câu văn có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong các trường hợp sau:

*a. Lặn lội thân cò khi quãng vắng*

*Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

*(Trần Tế Xương, Thương vợ)*

*b. Xóm làng xanh mát bóng cây*

*Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời*

*(Trần Đăng Khoa, Quê em)*

*c. Chị Dậu về đến đầu nhà đã nghe tiếng khóc khàn khàn của hai đứa trẻ. Sấp ngửa, chị chạy vào cổng, quẳng cả rổ mẹt, mê nón xuống sân, rồi vội vàng chị vào trong nhà.*

*(Ngô Tất Tố, Tắt đèn)*

**Hướng dẫn trả lời**

Các câu thơ câu văn có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ:

a. Lặn lội thân cò khi quãng vắng

    Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

b. Xóm làng xanh mát bóng cây

    Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời.

d. Sấp ngửa, chị chạy vào cổng, quẳng cả rổ mẹt, mê nón xuống sân, rồi vội vàng chị vào trong nhà.

**Bài 5*.* Hãy chỉ ra biện pháp đảo ngữ được dùng trong đoạn thơ dưới đây. Thử so sánh với cách diễn đạt thông thường (khôngđảo ngữ) để thấy rõ tác dụng của biện pháp đảo ngữ.**

*Em ạ, Cu-Ba ngọt lịm đường*

*Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương*

*Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại*

*Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương…*

*(Tố Hữu)*

**Hướng dẫn trả lời**

 Hãy nhận xét về vị trí của những từ ngữ bổ nghĩa cho các *danh từ* “đường”, “đồng bãi”, “đồi nương”, “nông trại” so với cách diễn đạt thông thường để thấy được biện pháp đảo ngữ được dùng.

- So sánh với cách diễn đạt thông thường (không đảo ngữ) để thấy rõ tác dụng của biện pháp đảo ngữ.

- Ví dụ: *ngọt lịm đường* (có đảo ngữ) / đường ngọt lịm (không đảo ngữ) - Cách diễn đạt nào gợi tả, gợi cảm? Nhấn mạnh được điều gì.

**BÀI 2: RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (BÀI THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ HOẶC TỨ TUYỆT ĐƯỜNG LUẬT)**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Học sinh bước đầu biết viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**B. NỘI DUNG**

**\* Yêu cầu của bài văn:**

- Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ…) nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.

- Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.

- Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ…)

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn bài thơ**

- Liệt kê một số bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật em đã học hoặc đã đọc.

- Lựa chọn bài thơ em hiểu và yêu thích để phân tích.

**b. Tìm ý**

Em hãy đọc kĩ bài thơ đã chọn và dựa vào đặc điểm cơ bản của thể thơ để xác định các phương diện nội dung và nghệ thuật cần phân tích:

- Tìm hiểu nhan đề và bố cục của bài thơ để nhận biết đề tài và nội dung chính.

Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.

- Chia tách bài thơ thành các phần và xác định nội dung chính của từng phần. Có thể chia tách bài thơ theo chiều ngang (dựa vào mạc ý) hoặc theo chiều dọc (dựa vào hình tượng thơ)

- Tìm những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ.

+ Về nội dung: Chú ý đặc điểm nổi bật của hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người những cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ, chủ đề bài thơ...

+ Về nghệ thuật: Cách sử dụng các yếu tố thi luật của thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.... Chú ý các từ gợi hình ảnh, âm thanh, biểu cảm và các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, đảo ngữ...)

- Tìm hiểu thông tin cơ bản về tác giả về hoàn cảnh sáng tác để hiểu thêm về bài

**c. Lập dàn ý**

- Sử dụng kết quả của phần Tìm ý, sắp xếp tổ chức thành dàn ý. Khi lập dàn ý, cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài để tập trung vào trọng tâm

**Dàn ý chung**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** |
| **1. Mở bài** | - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ (nhan đó, để tài, thể thơ...) nêu ý kiến chung về bài thơ |
| **2. Thân bài** | **+ Luận điểm 1**. Phân tích đặc điểm nội dung  - Phân tích hình tượng thơ (hình tượng thiên nhiên, hình tưởng con người.)  - Phân tích cảm xúc tâm trạng của nhà thơ  - Khái quát chủ đề của bài thơ  **+ Luận điểm 2**. Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật  - Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân)  - Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình  - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc câu thơ, biện pháp tu từ) |
| **3. Kết bài** | - Khái quát lại nội dung, cảm nhận của em. |

**2.Viết bài**

- Khi viết bài, em cần bám sát dàn ý đã lập: sử dụng đa dạng các hình thức trích dẫn, kết hợp phân tích với nhận xét, đánh giá.

- Sử dụng từ ngữ chính xác, chọn lọc; diễn đạt sáng rõ, thể hiện được cảm xúc của người viết.

- Chú ý sự khác nhau về yêu cầu, mục đích của kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ và kiểu bài phân tích một bài thơ.

**Đề bài: Viết bài văn phân tích bài thơ “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến.**

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Mùa thu luôn là đề tài, là cảm hứng quen thuộc lâu đời của thơ ca. Quay ngược bánh xe thời gian ta sẽ bắt gặp những mùa thu tuyệt vời ngập tràn trong những trang thơ của bao thế hệ. Trong kho tàng văn học dân tộc ta đã từng biết đến một mùa thu ngơ ngác trong thơ Lưu Trọng Lư, dào dạt và đượm buồn trong thơ Xuân Diệu, một mùa thu trong veo trong thơ Nguyễn Khuyến. “*Câu cá mùa thu”* của Nguyễn Khuyến – một bức tranh mùa thu mà Xuân Diệu đã từng nhận xét: “Là điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam”.

Thu điếu cũng như Thu ẩm, Thu vịnh chỉ có thể được Nguyễn Khuyến viết vào thời gian sau khi ông đã từ quan về sống ở quê nhà 1884.

Mở đầu bài thơ là hình ảnh:

*“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.”*

Đã mở ra một không gian nghệ thuật, một cảnh sắc mùa thu đồng quê. Chiếc ao thu nước trong veo có thể nhìn được rong rêu tận đáy, tỏa ra khí thu lạnh lẽo như bao trùm không gian.

Không còn cái se lạnh đầu thu nữa mà là đã thu phân, thu mạt rồi nên mới lạnh lẽo như vậy. Trên mặt ao thu đã có một chiếc thuyền câu bé tẻo teo tự bao giờ, gợi tả sự cô đơn. Bé tẻo teo nghĩa là rất bé nhỏ âm điệu của vần thơ cũng gợi ra sự hun hút của cảnh vật (trong veo - bé tẻo teo). Đó là một nét thu đẹp và êm đềm.

Hình ảnh mùa thu hiện lên trong bài thơ với một không gian hẹp ở chốn làng quê của tác giả, trong một cái ao nhỏ với chiếc thuyền câu nhẹ thênh.

Cái tôi trữ tình lặn phía sau ngôn từ. Cảm giác của thi nhân thì hiện lên sắc sảo và tinh tế. Mùa thu đã vào chiều sâu, “ao thu lạnh lẽo” với mặt nước “trong veo” rất muốn nhìn, ao thu như là chiếc gương tròn của làng quê. Làng Bùi của nhà thơ là đồng chiêm trũng rất nhiều ao, ao nhỏ.

Ao nhỏ thì thuyền câu cũng nhỏ theo “bé tẻo teo”, vần eo là thử vận hiểm hóc, vậy mà câu thơ trôi chảy tự nhiên như không, như không có chút gì là kĩ xảo cả. Thuyền câu đã hiện ra đấy mà người câu đâu chẳng thấy. Cũng chưa thấy cần thấy nhớ gì cả. Người đi câu còn mải mê với trời nước của mùa thu:

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*

*Lá vàng, trước gió khẽ đưa vèo*.

Ao thu không còn tĩnh lặng nữa mà đã nổi sóng với hai thanh trắc ở đầu câu (sóng biếc) và hai thanh trắc ở cuối câu (gợn tí). Sóng nhỏ vì ao nhỏ, lại là trong chỗ khuất. Gió nhẹ, gió heo may mùa thu. Sóng lại có màu sắc, “sóng biếc” thật đẹp. Ngòi bút của tác giả tinh tế đến từng chi tiết nhỏ.

Hai câu thực đối rất chỉnh “sóng biếc" đối với “lá vàng”, đều là màu sắc đặc trưng của mùa thu. “Hơi gợn tí” đối với “khẽ đưa vèo”, vận động của chiều dọc tương xứng với vận động của chiều ngang thật tài tình. Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo. Nhà thơ đã thả hồn theo chiếc lá vàng “khẽ đưa vèo" trên mặt ao trong veo. Cái màu vàng của mùa thu mà bao nhiêu thi nhân đã ngợi ca:

*Con nai vàng ngơ ngác*

*Đạp trên lá vàng khô*

*(Lưu Trọng Lư)*

*Vàng rơi! Vàng rơi!*

*Thu mênh mông.*

*(Bích Khê)*

Và đây là chiếc lá vàng của Nguyễn Khuyến trong bài thơ “Thu điếu” dưới ánh mắt của Xuân Diệu: “Cái thú vị của bài Thu Điếu ở các điệu xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh tre, xanh trời, xanh bèo, có một màu vàng đâm ngang của chiếc lá thu rơi...”. Lời bình của Xuân Diệu thật là tâm đắc.

Phép đối tài tình làm nổi bật một nét thu, tô đậm cái nhìn thấy và cái nghe thấy. Ngòi bút của Nguyễn Khuyến rất tinh tế trong dùng từ và cảm nhận, lấy cái lăn tăn của sóng hơi gợn tí phối cảnh với độ bay xoay xoay khẽ đưa vèo của chiếc lá thu. Chữ vèo là một nhân tự mà sau này thi sĩ Tản Đà vừa khâm phục, vừa tâm đắc. Ông thổ lộ một đời thơ mới có được một câu vừa ý: vèo trông lá rụng đầy sân (cảm thu, tiễn thu). Bức tranh thu được mở rộng dần ra qua hai câu thơ:

*“Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt*

*Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.”*

Bầu trời thu xanh ngắt thăm thẳm, bao la. Áng mây, tầng mây (trắng hay hồng?) lơ lửng nhè nhẹ trôi. Thoáng đãng, êm đềm, tĩnh lặng và nhẹ nhàng. Không một bóng người lại qua trên con đường làng đi về các ngõ xóm: Ngõ trúc quanh co khách vắng teo. Vắng teo nghĩa là vô cùng vắng lặng không một tiếng động nhỏ nào, cũng gợi tả sự cô đơn, trống vắng. Ngõ trúc trong thơ Tam nguyên Yên Đổ lúc nào cũng gợi tả một tình quê nhiều bâng khuâng, man mác:

*Dặm thế, ngõ đâu từng trúc ấy*

*Thuyền ai khách đợi bến đâu đây?*

*(Nhớ núi Đọi)*

Rồi tác giả lại trở về cận cảnh với hình ảnh của làng quê. “Ngõ trúc quanh co”, đường làng quanh co thân thuộc với bóng tre trùm mát rượi. Nhưng bao giờ trong thơ Nguyễn Khuyến tre cũng nói là trúc, *“Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu”* (Thu vịnh), *“Ngõ trúc quanh co khách vắng teo”.*

Nguyễn Khuyến thích cái hình thể loại cây chí khí ấy “Trúc dầu cháy đốt ngay vẫn thẳng”. Những nét trúc thẳng đốì lập với những nét quanh co của đường làng thật là gợi cảm. Trời lạnh, đường quê vắng vẻ, “khách vắng teo”. Bức tranh thu đượm buồn. Các thi sĩ thích miêu tả cảnh thu trong tĩnh lặng, đẹp, nhưng buồn. Sau Nguyễn Khuyến, nhà thơ lãng mạn Xuân Diệu cũng viết:

*Đã nghe rét mướt luồn trong gió*

*Đã vắng người sang những chuyến đò*

*(Đây mùa thu tới)*

Bài thơ kết thúc với hình ảnh của người đi câu như một nét tự họa:

*“Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,*

*Cá đâu đớp động dưới chân bèo.”*

Nhà thơ thu mình lại “tựa gối ôm cần”, dường như để tương xứng với khung ao nhỏ, với chiếc thuyền “bé tẻo teo”. Người đi câu đang đắm chìm trong suy tư thì một cử động đã làm cho nhà thơ sực tỉnh: Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Ba chữ “đ” (đâu, đớp, dộng) miêu tả một chút xao động trong làn ao và rất nhiều xao động trong lòng thật là tài tình. Có ý kiến cho rằng cử chỉ đi câu của Nguyễn Khuyến giống với Khương Tử Nha và nhà bình luận đó hết lời ngợi ca cả hai ông. Không! Nguyễn Khuyến đâu có còn chờ thời.

Nhà thơ chỉ muốn tan hòa vào thiên nhiên, vào non nước. Toàn bộ hình tượng thơ “Thu điếu” đã sửa soạn cho thái độ này. Khung cảnh hẹp, làn ao nhỏ, chiếc thuyền “bé tẻo teo”. Nhà thơ thu mình lại “tựa gối ôm cần” hòa điệu với thiên nhiên, tan hòa với non nước. Thế thì làm sao thái độ đi câu của Nguyễn Khuyến lại giống với thái độ đi câu của Khương Tử Nha được? Còn đồng tình với ai đó là chuyện riêng. Tôi đồng tình với Nguvễn Khuyến.Trong chùm thơ bài viết về mùa thu của Nguyễn Khuyến, nếu được chọn một bài thì đó là bài “Thu điếu”.

Bài thơ "Thu điếu” là kiệt tác trong nền thơ cổ điển nước nhà. Bức tranh mùa thu được miêu tả bằng những hòa sắc tinh tế, những đường nét gợi cảm. Nhạc điệu cũng độc đáo. vần gieo hiểm hóc mà tự nhiên, hồn nhiên. Theo Xuân Diệu, cả bài thơ không còn lép chữ nào. Thật là một nghệ sĩ cao tay. Cái tình của nhà thơ cũng theo kịp cái tài. Cái tình của nhà thơ đối với quê hương làng cảnh, với non sông đất nước thấm trong mỗi chữ mỗi lời làm xúc động hết thảy mỗi tâm hồn Việt Nam.

**3. Chỉnh sửa bài viết**

- Đọc lại bài viết đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa. Tập trung vào một số nội dung sau

- Các thông tin về nhan đề bài thơ tên tác giả đề tài, thể thơ và giá trị của bài thơ.

- Các ý chính thể hiện đặc điểm nội dung và một số đặc sắc nghệ thuật của bài thơ

- Những nhận xét đánh giá về vị trí, ý nghĩa của bài thơ.

**BÀI 2: ÔN TẬP VĂN BẢN CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG**

*(Hà Ánh Minh)*

**A. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được vẻ đẹp của ca Huế, hiểu được giá trị của một sản phẩm văn hóa truyền thống được ông cha sáng tạo, gìn giữ và truyền lại.

- Biết trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Ca Huế trên sông Hương

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Ca Huế trên sông Hương

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất**

-   Yêu thương, sự gắn bó với cảnh sắc quê hương với cuộc đời

**B. NỘI DUNG**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Đọc**

- GV Nêu yêu cầu: Với loại văn bản này, khi đọc cần thể hiện giọng điệu nhẹ nhàng, truyền cảm. Cần chú ý: trong bài, thủ pháp liệt kê thường xuyên được tác giả sử dụng nhằm làm rõ vẻ đẹp phong phú, đa dạng của ca Huế, cần đọc rõ ràng, rành mạch từng yếu tố để tăng ý nghĩa biểu cảm.

**2. Tóm tắt**

- Xứ Huế nổi tiếng với các điệu hò, mỗi câu hò như gửi gắm những tâm tình, tình cảm của người hò vào đó. Ngoài ra, hò Huế còn thể hiện lòng khao khát, nỗi mong chờ hoài vọng thiết tha của tâm hồn Huế. Ban đêm, các lữu khách chèo thuyển rồng đi lại trên sông Hương nghe những câu hò quả là một thú vui. Ca Huế được hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình, thể hiện qua hai dòng điệu Bắc và điệu Nam. Ca Huế là thú vui tao nhã, đầy sức quyến rũ.

**+ Phương thức biểu đạt**: Thuyết minh kết hợp với miêu tả và biểu cảm

**+ Thể loại:** Bút kí

|  |  |
| --- | --- |
| - Ca Huế trên sông Hương thuộc thể loại bút kí. Xét về tính chất, bút kí gần với tuỳ bút (xem thể loại tuỳ bút trong bài Một thứ quà của lúa non: cốm). Cả hai loại đều là thể kí, tức là những ghi chép về người thật, việc thật nhưng mang sắc thái trữ tình. Tuy nhiên, so với tuỳ bút thì bút kí thể hiện ý nghĩa khách quan rõ nét hơn. Trong bút kí, các nhân vật, sự kiện được miêu tả khá chi tiết. Tình cảm, thái độ của tác giả được thể hiện qua cách lựa chọn, miêu tả đối tượng. |  |

**+ Ngôi kể**: Ngôi thứ 3

**3. Bố cục**

- Phần 1 (từ đầu đến “lí hoài nam”): Giới thiệu về Huế - cái nôi của những làn điệu dân ca

- Phần 2 (còn lại): Những đặc sắc của ca Huế và sơ lược về cách biểu diễn, thưởng thức ca Huế trên sông Hương.

**II. Phân tích văn bản**

**1. Các làn điệu dân ca Huế rất phong phú, đa dạng.**

- Dân ca Huế nổi tiếng với những điệu hò. Những điệu hò giản dị gắn liền với cuộc sống lao động lam lũ, nhọc nhằn: đánh cá, cấy cày, gặt hái, trồng cây, chăn tằm à tâm hồn yêu đời.

- Nghệ thuật: sử dụng từ ngữ địa phương, ngôn ngữ tài ba, phong phú.

- Sự đa dạng phong phú được thể hiện ở tên, đặc trưng của các điệu hò:

+ Chèo cạn, bài thai, hò đưa linh: buồn bã

+ Hò giã gạo, giã vôi, giã điệp, bài chòi, bài tiệm, nàng vung: náo nức nồng hậu tình người.

+ Hò lơ, hò ô, xay lúa, hò nện: gần gũi với dân ca Nghệ Tĩnh là lòng khao kháo, nỗi mong chờ hoài vọng thiết tha của tâm hồn.

+ Ngoài ra còn có các điệu lí.

=> Bằng một đoạn văn ngắn, tác giả đã mang lại cho người đọc ấn tượng sâu sắc về sự phong phú của dân ca Huế; giúp người đọc cảm nhận được mối quan hệ giữa dân ca Huế và tâm hồn của những con người xứ Huế.

**-** Người đọc biết Huế không chỉ nổi tiếng bởi danh lam thắng cảnh và các di tích lịch sử, Huế không chỉ nổi tiếng bởi nón bài thơ, các món ăn tinh tế, mà còn nổi tiếng bởi các làn điệu dân ca và âm nhạc cung đình. Nghe ca Huế trong thuyền rồng trên sông Hương là một thú tao nhã, đầy quyến rũ.

**2. Về ca Huế:**

**a. Nguồn gốc ca Huế:**

- Ca Huế được hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình.

**b. Đặc điểm của ca Huế:**

- Ca Huế sôi nổi, tươi vui, trang trọng, uy nghi chính là vì nó tiếp thu tính chất của hai dòng nhạc. Sôi nổi, tươi vui (có cả buồn cảm, bâng khuâng, tiếc thương ai oán) là có nguồn gốc từ nhạc dân gian. Còn trang trọng, uy nghi là có nguồn gốc từ nhạc cung đình.

**c. Cách thưởng thức.**

- Nghe ca Huế là một thú tao nhã bởi vì cách thức nghe ca trên thuyền rồng, trên dòng sông Hương thơ mộng giữa trời nước mênh mang đã là một cách thưởng thức độc đáo. Mặt khác, nội dung ca Huế trang trọng, trong sáng, gợi tình người, tình đất nước. Những lời ca đẹp đó lại được những ca sĩ duyên dáng, lịch sự của xứ Huế trình diễn với dàn nhạc phụ hoạ gồm những nhạc công điêu luyện, tài hoa. Nghe ca Huế để thêm hiểu, thêm yêu xứ Huế, cũng là thêm yêu đất nước mình. Bởi thế đó là một thú vui thanh cao và lịch sự.

**III. Tổng kết**

**1. Nghệ thuật**

- Thủ pháp liệt kê kết hợp với giải thích, bình luận

- Miêu tả đặc sắc, gợi hình, gợi cảm, chân thực.

**2. Nội dung**

 Cố đô Huế nổi tiếng không phải chỉ có các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử mà còn nổi tiếng bởi các làn điệu dân ca và âm nhạc cung đình.

Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa - âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển

**IV. Luyện tâp**

**1. Dạng đề Đọc - Hiểu ngữ liệu trong và ngoài chương trình**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Xứ Huế vốn nổi tiêng với các điệu hò, hò khi đánh cá trên sông ngòi, biển cả, hò cấy cày, gặt hái, hồng cây, chăn tằm. Mỗi câu hò Huế dù ngắn hay dài đều được gửi gắm ít ra một ý tình tron vẹn. Từ ngữ địa phương được dùngg nhuần nhuyễn và phổ biến, nhất là trong các cấu hò đối đáp tri thức, ngôn ngữ được thể hiện thật tài ba, phong phú. Chèo cạn, bài thai, hò đưa linh buồn bã, hò giã gạo, ru em, giã vôi, giã điệp, bài chòi, bài tiệm, nàng vung(2) náo nức nồng hậu tình người. Hò lơ, hò ô, xay lúa, hò nện(3) gần gũi với dân ca Nghệ Tĩnh. Hò Huế thể hiện lòng khao khát, nỗi mong chờ hoài vọng tluết tha của tâm hồn Huế. Ngoài ra còn có các điệu lí như: lí con sáo, lí hoài xuân, lí hoài nam(4).*  *Đêm. Thành phố lên đèn như sao sa. Màn sương dày dần lên, cảnh vật mờ đi trong một màu trắng đục. Tôi như một lữ khách(5) thích giang hồ với hồn thơ lai láng, tình người nồng hậu bước xuống một con thuyền rồng, có lẽ con thuyền này xưa kia chỉ dành cho vua chúa. Trước mũi thuyền là một không gian rộng thoáng để vua hóng mát ngắm trăng, giữa là một sàn gỗ bào nhẵn có mui vòm được trang trí lộng lẫy, xung quanh thuyền có hình rồng và trước mũi là một đầu rồng như muốn bay lên. Trong khoang thuyền, dàn nhạc gồm đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, nhị, đàn tam(1). Ngoài ra còn có đàn bầu(2), sáo và căp sanh(3) để gõ nhịp.*  *(Trích Ca Huế trên sông Hương, Minh Hương - NXB giáo dục 2003, tr.99-102)*  **Câu 1.** Nêu những hiểu biết của em về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thể loại của văn bản “Ca Huế trên sông Hương”.  **Câu 2**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên, Kỉểu văn bản?  Gạch chân những câu văn miêu tả cảnh thiên nhiên trong đêm ca Huế. Khung cảnh thiên nhiên đó có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện vẻ đẹp của ca Huế.  **Câu 3.** Từ văn bản, em hãy nêu hiểu biết của em về vẻ đẹp của tâm hồn con người xứ Huế và tình cảm của tác giả vơi Huế.  **Câu 4.** Viết một đoạn văn khoảng 10 câu, nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của ca Huế trên sông Hương. Đoạn văn có sử dụng phép liệt kê (gạch chân).  **Câu 5.** Ca Huế trên sông Hương đề cao giá trị nào? Theo em phải làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc? |

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1.** “*Ca Huế trên sông Hương”* là một bài báo của Hà Ánh Minh, được đăng trên báo “Người Hà Nội”.

- Thể loại: Bút kí.

**Câu 2.**  Phương thức biểu đạt: Thuyết minh kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

Kiểu văn bản: Nhật dụng. Nội dung: Phản ánh nét đẹp văn hóa truyền thống của cố đô Huế, ca ngợi và tuyên truyền cho nét đẹp này.

+ Các câu văn miêu tả khung cảnh thiên nhiên:

*- Đêm. Thành phố lên đèn như sao sa. Màn sương dày dần lên, cảnh vật mờ đi trong một màu trắng đục.*

*-Trước mũi thuyền là một không gian rộng thoáng để vua hóng mát ngắm trăng, giữa là một sàn gỗ bào nhẵn có mui vòm được trang trí lộng lẫy, xung quanh thuyền có hình rồng và trước mũi là một đầu rồng như muốn bay lên.*

*\* Ý nghĩa của khung cảnh thiên nhiên:*Được diễn ra vào đêm, trong khung cảnh thơ mộng, với ánh đèn, với ánh trăng, với không gian yên tĩnh.Diễn ra trên thuyền sang trọng, vừa nghe nhạc vừa có thể ngắm nhìn vẻ đẹp của Huế vào đêm.

=> Không gian thích hợp để con người ta lắng lòng mình lại, quên đi những bộn bề của cuộc sống, tận hưởng trọn vẹn những khúc ca.

**Câu 3.**

- Tâm hồn của người dân xứ Huế được bộc lộ qua văn bản là sự hoà quyện tình đời, tình yêu quê hương, đất nước thiết tha nồng hậu, khao khát, hoài vọng.

- Chỉ bằng bài viết ngắn gon cô động sâu sắc tác giả đã làm nổi bật những nét đặc sắc của ca Huế. Nét tinh hoa của xứ Huế - ca Huế được gói gọn trong lớp ngôn từ giản dị, mượt mà, nhẹ nhàng giàu tình cảm. Cho thấy tình yêu sâu nặng của tác giả với văn hoá, con người nơi đây.

**Câu 4.** Đoạn văn tham khảo: Việt Nam là đất nước giàu truyền thống văn hóa, lịch sử. Mỗi vùng miền có những nét đặc sắc riêng về văn hóa, Bắc Ninh có quan họ, Tây Nguyên có cồng chiêng… Đến với sông nước Huế mộng mơ ta có ca Huế - nét đặc sắc của người Huế nói riêng và của Việt Nam nói chung. Những nét nổi bật đó đã được phản ánh một cách chi tiết qua văn bản Ca Huế trên sông Hương của Hà Ánh Minh.

Ca Huế trên sông Hương là văn bản nhật dụng, tác phẩm đã giới thiệu sự phong phú, đa dạng của ca Huế về nội dung, làn điệu, sự tinh tế trong biểu diễn và thưởng thức. Đây là nét đẹp của cố đô Huế cần được giữ gìn và phát triển.

Mở đầu tác phẩm là sự khẳng định của Hà Ánh Minh về xứ Huế: “Xứ Huế vốn nổi tiếng với các điệu hò, hò khi đánh cá trên sông ngòi, biển cả, hò lúc cấy cày, gặt hái, trồng cây, chăm tằm” như vậy ta có thể thấy rằng hò là nếp sinh hoạt văn hóa quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức, đời sống của người dân xứ Huế. Không chỉ dừng lại ở đó, với biện pháp liệt kê Hà Ánh Minh còn cho thấy sự đa dạng, phong phú của các điệu hò: chèo cạn, bài thai, hò đưa linh, hò giã dạo, ru em, hò giã vôi, giã điệp… Có vô vàn các điệu hò khác nhau thể hiện những suy nghĩ, những cung bậc tình cảm của con người và dù điệu hò đó có ngắn hay dài thì nó vẫn luôn thể hiện trọn vẹn một ý tình của người hát.

**Câu 5.** Ca Huế đề cao giá trị văn hoá dân tộc.

Các biện pháp cần làm để bảo tồn di sản văn hoá dân tộc.

- Tìm hiểu các giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cộng đồng.

- Đem bản sắc văn hóa quảng bá với bạn bè thế giới

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Không gian yên tĩnh bỗng bừng lên những âm thanh của dàn hòa tấu, bởi bốn nhạc khúc lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương, trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau truốt như ngón nhấn. mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động đáy hồn người*  *Ca Huế hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình, nhã nhạcr) trang trọng uy nghi nên có thần thái của ca nhạc thính phòng(8), thể hiện theo hai dòng lớn điệu Bắc và điệu Nam, Với hai sáu mươi tác phẩm thanh nhạc và khi nhạc(9). Thú nghe ca Huế tao nhã, đầy sức quyến rũ.”*  *(Dẫn theo Ngữ văn 7 tập 2, NXB giáo dục 2003, tr.99-102)*  **Câu 1**. Em hãy cho biết nội dung của đoạn văn trên là gì?  **Câu 2**. Trong đoạn văn, tác giả đã dùng biên pháp tu từ nào? Nêu tác dụng?  **Câu 3.** Theo đoạn trích nguồn gốc của ca Huế được hình thành từ đâu?  **Câu 4.** Qua văn bản, em thấy mình cần làm gì để bảo tồn di sản văn hóa dân tộc.  **Câu 5**. Dựa vào đoạn trích trên và những hiểu biết về tác phẩm này hãy viết đoạn văn khoảng 7 câu, trình bày cảm nhận của em về cách thưởng thức ca Huế. Trong đoạn văn có sử dụng một câu bị động (gạch chân) |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Nội dung đoạn văn: Nói lên không gian khi các làn điệu ca Huế bắt đầu cất lên cùng với những âm thanh đặc sắc.

**Câu 2.** Tác giả dùng biện pháp liệt kê.

+ Liệt kê nhạc khúc: Lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ.

+ Liệt kê giai điệu âm thanh: du dương, trầm bổng, réo rắt.

+ Liệt kê những ngón đàn: ngón nhấn, mổ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi.

- Tác dụng: Làm nổi bật tài nghệ chơi đàn của nhạc công với những ngón đàn hết sức phong phú và âm thanh phong phú của các nhạc cụ, vẻ đẹp của các điệu ca Huế trên sông Hương.

**Câu 3.** Nguồn gốc của ca Huế:*Ca Huế hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình, nhã nhạc trang trọng uy nghi nên có thần thái của ca nhạc thính phòng.*

**Câu 4.** Các biện pháp cần làm để bảo tồn di sản văn hoá dân tộc.

- Tìm hiểu các giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cộng đồng.

- Đem bản sắc văn hóa quảng bá với bạn bè thế giới

**Câu 5.** (Hs tự cảm nhận)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  *(1) Năm 1902, Hà Nội trở thành Thủ đô của Liên bang Đông Dương thì tòa đốc lý càng chú ý đến bộ mặt dô thị. Đốc lý Baille Frédéric (nắm quyền từ 1901-1903) ra quy định cây xanh trồng ở Hà Nội phải tuân theo tiêu chí: Có bóng mát, bảo đảm mỹ quan, không có nhựa, không đổ trước các trận bão vừa phải. Bên cạnh đó là tùy theo chiều cao quy định cho các phố để chọn giống cây phù hợp. Quy định cũng có điều khoản phạt tiền với những hành vi phá hoại cây xanh. Và thử thách đầu tiên đối với cây xanh Hà Nội là trận bão mạnh quét qua Hà Nội ngày 7-6-1903 làm gãy và đổ nhiều cây quanh Hồ Gươm và phố Ngô Quyền.*  *(2) Chính quyền cũng thí điểm qua cây xanh tạo ra kiến trúc đô thị nên phố Trần Hưng Đạo,*  *Lê Thánh Tôn, đầu phố Hàng Bài đã trồng sấu, phố Quán Thánh trồng toàn hoa sữa, phố Lý Thường Kiệt chỉ trồng cây cơm nguội, nửa đầu phố Lò Đúc trồng sao đen…cây xà cừ không ưa ẩm, trồng ở các khu đất cao. Khi cây đã lớn cho bóng mát thì nhiều giống cây đã lộ ra “khuyết điểm”. Cây xà cừ lớn nhanh, tán rộng ở Châu Phi có bộ rễ cọc nhưng khi trồng tại Hà Nội, do đất có độ ẩm cao nên rễ lại ăn ngang, có cây rễ ăn cả vào móng các nhà mặt phố nên khả năng chịu bão kém. Sấu khó trồng, lâu lớn nhưng có ưu điểm thân khá thẳng, tán cũng rộng, dễ ăn mới lan ngang, lá hình mắt nai lại xanh thẫm rất đẹp. Cuối mùa xuân, hoa nhỏ li ti màu trắng nở rụng trắng vỉa hè tỏa mùi thơm dịu, làm ngây ngất người đi qua. Đặc biệt, quả sấu xanh có vị chua được dùng để luộc rau, nấu canh hay ngâm đường làm nước giải khát. Cây sao đen có rễ cọc, chậm lớn nhưng bù lại thân thẳng, hàng sao thẳng tắp nom khỏe khoắn và uy nghi. Cây cơm nguội lại toát lên vẻ chân chất, mùa thu lá vàng rất đẹp nhưng nhược điểm là lâu năm thì thân cây tự mục rỗng, vì thế những năm 70 thế kỷ XX, thành phố đã cưa hang cơm nguội ở phố Lý Thường Kiệt trồng thay vào đó là phượng. Hàng cây sữa ở phố Quán Thánh đến nay cũng đã quá già cỗi, trên ngọn chỉ còn vài ba cành lơ thơ. Muồng sẫm nở hoa vàng rất đẹp nhưng lại giòn, gió lớn dễ bị gãy ngang thân. Cọ nhập từ châu Phi cho cảm giác khát khao bầu trời, khát khao tự do nhưng khi lá rụng rất nguy hiểm. Bàng lâu lớn, có sâu róm nhưng bù lại tán rộng. Còn bằng lăng khi đâm chồi, lá non màu ánh tím rất lạ và đẹp… Họ cũng rút ra bài học cây lá nhỏ như me, muồng lá rụng, không gây tắc cống như những giống lá to.*  *(3) Có thể nói từ khi cây xanh được trồng trên các tuyến phố, nơi công cộng, vườn hoa, khuôn viên công sở cho đến năm 1945 không chỉ giảm bớt cái nóng mùa hè, không khí thêm trong sạch mà còn làm cho Hà Nội đẹp và lãng mạn hơn. Tuy nhiên, trong 9 năm thành phố bị thực dân Pháp tạm chiếm, các quy định về cây xanh bị chính quyền sao nhãng do chiến tranh, ngân sách bị cắt giảm nên chính quyền đã “xã hội hóa” trồng cây. Nhà nào thích trồng cây gì thì mua về báo cho nhân viên lục lộ đến trồng. Và cây xanh Hà Nội đã không còn như trước…*  *(Nguồn: Trang hanoimoi.com.vn)*  **Câu 1.** Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt nào?  **Câu 2.** Chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau:  *[1] Có thể nói từ khi cây xanh được trồng trên các tuyến phố, nơi công cộng, vườn hoa, khuôn viên công sở cho đến năm 1945 không chỉ giảm bớt cái nóng mùa hè, không khí thêm trong sạch mà còn làm cho Hà Nội đẹp và lãng mạn hơn. Tuy nhiên, trong 9 năm thành phố bị thực dân Pháp tạm chiếm, các quy định về cây xanh bị chính quyền sao nhãng do chiến tranh, ngân sách bị cắt giảm nên chính quyền đã “xã hội hóa” trồng cây. Nhà nào thích trồng cây gì thì mua về báo cho nhân viên lục lộ đến trồng. Và cây xanh Hà Nội đã không còn như trước…*  **Câu 3.** Nội dung của văn bản trên đề cập đến vấn đề gì?  **Câu 4.** Từ văn bản anh/chị có suy nghĩ gì về giá trị của cây xanh đối với thủ đô Hà Nội? |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1.** Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**Câu 2.** Phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn:

+ Phép nối bằng các quan hệ từ: Tuy nhiên, và.

+ Phép lặp: Lặp lại các từ cây, trồng cây, cây xanh, Hà Nội, quy định...

+ Phép thế: Dùng từ "thành phố" thay cho "Hà Nội"

**Câu 3**. Nội dung của văn bản trên đề cập đến vấn đề cây xanh ở thành phố Hà Nội xưa và nay: Những quy định về việc trồng cây xanh, ưu nhược điểm của từng loại cây, tác dụng của việc trồng cây.

**Câu 4**. Suy nghĩ về giá trị của cây xanh đối với thủ đô Hà Nội:

+ Giảm bớt cái nóng mùa hè.

+ Làm cho không khí trong lành, góp phần bảo vệ môi trường.

+ Làm cho Hà Nội đẹp và lãng mạn hơn, làm nên nét riêng, ấn tượng riêng cho đường phố Hà Nội.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  *(1) Làng cây ven hồ Gươm như làn mi, như ai dướn đôi lông mày. Không thể nghĩ cái đầm nước tuyệt vời ấy lại vắng hàng mi những rèm cây.*  *(2) Cây cối Hồ Gươm của Hà Nội thoạt nhìn không ra thể thức nào, nhưng để ý kỹ sẽ thấy được một lề lối của mỗi bóng nước. Mỗi cái cây bên nhau đều mang chứng tích của lịch sử và thời gian.*  *(3) Từ trong đảo Ngọc giữa hồ, những cây đa, cây si, cây sanh, cây đề và những cây gạo mà ở đầu đình làng nào cũng sum sê. Những gố cgạo hiền lành, xù xì như đá tảng vì những nhát dao tước vỏ cây từ thử trong phố còn những cột đền dầu thắp ở các ngã tư đường thập đạo, người ta láy vỏ gạo về làm thuốc bóp chân sái, tay gãy - những bài thuốc ai cũng thuộc.*  *(4) Những cây trong vườn đã thành đại thụ cũng thấy ở đây. Bảy cây lộc vừng vun lại một khóm mà nõn lộc vừng hái để kèm ăn gỏi cá mè. Những cây sung cổ quái mỗi mùa xuân vẫn trổ lá, quả sung muối dưa, lá sung lót gói nem chạo trên Phùng nhắm với rượu gạo Mễ Trì của ba làng Mai (…)*  *(5) Ô hay, bất chợt vào mùa thu, hoa vông, chỉ đến mùa hoa vông đỏ khé trên mặt hồ mới nhớ chứ hàng ngày qua dưới gốc vông, không ai để ý tới loại cây cọc rào quá quen mắt ấy (…)*  *(6) Cuối thế kỷ trước, người Pháp mới chiếm Hà Nội. Lịch sử đau thương quãng ấy đã sang trang rồi, nhưng còn dấu tích trong cây. Ấy là những cây gỗ tếch chỉ thấy ở rừng Thượng Lào, những cây cọ dại châu Phi, những cây hoa phượng vĩ quê tận Tân Ghi-nê ngoài châu Đại Dương, người Pháp đã đem từ các thuộc địa tới.*  *(7) Cây quanh hồ Gươm tụ hội các thứ cây của làng nước và của thời thế.*  *(Trích bài viết của Tô Hoài trong Hồ Gươm và đền Ngọc Sơn)*  **Câu 1.** Chỉ ra phép liên kết chính trong văn bản trên?  **Câu 2.** Nêu nội dung chủ đề của văn bản?  **Câu 3.** Phát hiện và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn (1)?  **Câu 4.** Từ nội dung văn bản trên anh/chị có ý kiến gì về việc thành phố Hà Nội tiến hành chặt hàng loạt cây xanh trên các tuyến phố của thủ đô. Trả lời bằng một đoạn văn từ 5-7 câu. |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1.** Phép liên kết trong đoạn văn trên là: Phép lặp

**Câu 2.** Nội dung của văn bản

- Vẻ đẹp của cây cối Hồ Gươm.

**Câu 3.** Biện pháp tu từ trong đoạn (1) là so sánh: Lán cây ven hồ Gươm như làn mi, như ai dướn đôi lông mày.

Tác dụng: - Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Giúp người đọc hình dung ra vẻ đẹp của làng cây ven hồ Gươm.

**Câu 4**. Thí sinh bày tỏ quan điểm cá nhân nhưng phải lí giải thuyết phục, chặt chẽ. Cần nhấn mạnh đó là việc không nên làm không nhận sự đồng tình ủng hộ từ mọi người.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  “*Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất. Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Digan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lý giải được về mặt khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở.”*  *(Trích Ai đã đặt tên cho dòng sông? - Hoàng Phủ Ngọc Tường)*  **Câu 1.** Nêu thể loại văn bản trên?  **Câu 2**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?  **Câu 3**. Biện pháp tu từ nào được cảm nhận qua hình ảnh dòng sông? Tác dụng của biện pháp tu từ đó?  **Câu 4**. Chỉ ra yếu tố tình thái trong câu: “Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất”, nêu ý nghĩa về cách biểu đạt tình thái đó? |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1.** Thể loại: Kí

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính: Miêu tả.

**Câu 3.**

* Biện pháp tu từ: Ẩn dụ/ Nhân hóa

=> có tác dụng nhấn mạnh dòng sông trở thành một sinh thể có hồn, đầy cá tính, tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn người đọc về vẻ đẹp dòng sông.

**Câu 4.** Yếu tố tình thái: "hình như" - phỏng đoán, chưa chắc chắn => có tác dụng thể hiện sự cẩn trọng trong đánh giá, vừa bao quát, vừa bày tỏ niềm tự hào ngưỡng mộ về sự đặc biệt của con sông mà không nơi nào có như dòng sông quê hương của mình.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản rồi trả lời các câu hỏi:**  *Ông đò Lai Châu bạn tôi làm nghề chở đò dọc sông Đà đã 10 năm liền và thôi làm đò cũng đã đôi chục năm nay. Tay ông lêu nghêu như cái sào. Chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh gò lại như kẹp lấy cái cuống lái tưởng tượng. Giọng ông nói ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh sông. Nhỡn giới ông vòi vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào trong sương mù. Quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh. Ông chở đò dọc, chở chè mạn, chè cối từ Mường Lay về Hòa Bình, có khi chở về đến tận bến Nứa Hà Nội. Ông bảo: Chạy thuyền trên sông không có thác, nó sẽ dễ dại tay chân và buồn ngủ. Cho nên ông chỉ muốn cắm thuyền ở Chợ Bờ, cái chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác sông Đà…*  *Trên dòng sông Đà, ông xuôi ngược hơn trăm lần rồi. Chính tay ông giữ lái đò độ sâu chục lần cho những chuyến thuyền then đuôi én sâu mái chèo. Trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước, những con thác hiểm trở sông Đà, với người lái đò ấy, như thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc lòng từ dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than, chấm xuống dòng…*  *(Người lái đò sông Đà - Tuyển tập Nguyễn Tuân, NXBVH 2008)*  **Câu 1**. Xác định thể loại văn bản và những phương thức biểu đạt của đoạn văn trên.  **Câu 2**. Việc kết hợp nhiều phương thức biểu đạt như thế mang lại hiệu quả gì?  **Câu 3**. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất, có hiệu quả nhất trong đoạn văn.  **Câu 4**. Vì sao ông đò Lai Châu chỉ muốn cắm thuyền ở chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà? Điều đó chứng tỏ ông đò là người như thế nào?  **Câu 5.** Viết từ 3- 5 câu về tình cảm của tác giả với ông đò qua đoạn văn trên? |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1**.

- Thể loại văn bản: Tùy bút.

**-** Những phương thức biểu đạt của đoạn văn: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**Câu 2**. Việc kết hợp nhiều phương thức biểu đạt giúp nhà văn vừa tái hiện chân thực, sinh động đối tượng, sự việc vừa bày tỏ tư tưởng, tình cảm một cách dễ dàng, hiệu quả, giúp người đọc dễ hiểu, dễ tiếp cận.

**Câu 3**. Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất, có hiệu quả nhất trong đoạn văn: biện pháp so sánh.

Tác dụng: Khắc họa ông lái đò với vẻ đẹp từng trải, hiểu biết, thành thạo nghề lái đò và nắm chắc đối tượng chiến đấu của mình.

**Câu 4**. Ông đò Lai Châu chỉ muốn cắm thuyền ở chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà là vì “Chạy thuyền trên sông không có thác, nó sẽ dễ dại tay chân và buồn ngủ” - Điều đó chứng tỏ ông đò là người gan dạ, quen với việc đối mặt với hiểm nguy, biến những thử thách khó khăn trở thành thuận lợi.

**Câu 5**. Tình cảm của tác giả với ông đò:

- Nguyễn Tuân khắc hoạ hình tượng người lái đò sông Đà với vẻ đẹp bình dị mà phi thường, như một biểu tượng đẹp của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước. Đó là một cách nhìn, một cách khám phá và khẳng định vẻ đẹp của con người Việt Nam trong thời đại mới. Ca ngợi hình tương người lái đò sông Đà chính là một cách tôn vinh tài năng, ý chí, nghị lực của con người trong công cuộc chinh phục thiên nhiên.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Nếu nói về những ngõ xanh im vắng, có lẽ Huế có nhiều nhất những hun hút xanh chan hòa đem lại cho con người cảm giác thư thái ấy. Sống ở Huế thật lâu, tôi mơ hồ những ngõ nhỏ xứ Huế như một sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời. Sợi dây ấy đan bằng lá cây và sương khói, bện vào đó những âm vang bình dị từ những khu vườn và cả ánh sáng khiêm nhường của những thời khắc cảnh sắc không gian Huế, tất cả được đan bằng bàn tay của một tâm thức đầy mẫn cảm vừa lặng lẽ rêu phong vừa sôi động như ngọn gió qua rừng tre trúc.*  *Ngõ Huế, gần như là một tiếng gọi, thật gần mà lại mơ hồ xa vắng. Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ấm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu đàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiền xứ sở...*  *(Hồ Đăng Thanh Ngọc, Đôi triêng gióng của Mạ, NXB Văn học, 2011, tr. 13,14)*  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?  **Câu 2**. Xác định biện pháp tu từ trong câu sau và nêu tác dụng: “*Ngõ Huế, gần như là một tiếng gọi, thật gần mà lại mơ hồ xa vắng”*  **Câu 3**. Xác định hai phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu trên.  **Câu 4.** Xác định và nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ từ vựng có trong câu: *“Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ấm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu đàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiền xứ sở...”*  **Câu 5**. Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho ngõ Huế? (trả lời 3-5 dòng). |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2**. So sánh ngõ Huế - tiếng gọi

=> Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

- Giúp người đọc hình dung được ngõ Huế thật mơ hồ, xa vắng

**Câu 3.** Hai phép liên kết về hình thức:

- Phép thế: Sợi dây ấy thay thế cho “*sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời”.*

- Phép lặp: Ngõ Huế

**Câu 4.** Liệt kê: là cái ngõ ngay trước ngôi nhà ấm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya, những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở.

- So sánh: ngõ chùa nắng vàng như màu thiền xứ sở

- Tác dụng:

+ Biện pháp liệt kê làm nổi bật những nét đặc sắc, phong phú của không gian ngõ Huế.

+ So sánh khẳng định không gian ngõ Huế với màu sắc độc đáo “màu thiền”, tố đậm đặc trưng văn hóa của vùng đất này.

**Câu 5.** - Tác giả dành tình yêu, sự trân trọng gắn bó với ngõ Huế.

- Tâm hồn tác giả dành sự cảm nhận tinh tế với không gian đặc trưng này của xứ Huế.

=> Đó là tình cảm của người con với quê hương, chạm đến trái tim người đọc, truyền tải tình yêu với những người con quê hương, làm phong phú thêm vẻ đẹp của Huế mộng và thơ.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Người ta hay nhắc đến mang nặng đẻ đau. Có những quá trình không phải hoài thai, không đẻ gì (theo nghĩa hẹp và theo nghĩa đen sinh học) nhưng rất khó đau và nặng nhọc đèo bòng. Ngọc trai nguyên chỉ là một hạt cát, một hạt bụi biến xâm lăng vào vỏ trai, lòng trai. Cái bụi bặm khách quan nơi ron bế lẻn vào cửa trai. Trai xót lòng. Máu trai liền tiết ra một thứ nước rãi bọc lấy cải hạt buốt sắc. Có những cơ thể trai đã chết ngay vì hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình (và vì trai chết nên cát bụi kia vẫn chỉ là hạt cát). Nhưng có những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu lấy rãi mình ra mà bao phủ lấy hạt đau hạt xót. Tới một thời gian nào đó, hạt cát khối tình con, cộng với nước mắt hạch trai, đã trở thành lõi sáng của một hạt ngọc tròn trăn ánh ngời”*  *(Theo Nguyễn Tuân, Tờ hoa)*  **Câu 1.** Đoạn trích trên thuộc thể loại gì?  **Câu 2.** Trong đoạn văn bản trên, tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để nói về hạt ngọc trai?  Tác dụng nghệ thuật của chuỗi từ ngữ đó?  **Câu 3.** Nêu khái quát nội dung chính của đoạn văn bản?  **Câu 4.** Đoạn văn bản đã tập trung thể hiện đặc điểm nổi bật nào trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân? |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1.** Đoạn trích trên thuộc thể loại Tuỳ bút

**Câu 2.** Trong đoạn văn bản trên, tác giả đã sử dụng một chuỗi những từ ngữ phong phú để nói về hạt ngọc trai: *hạt cát, một hạt bụi biển xâm lăng vào* vở *trai, lòng trai, cái bụi bặm khách quan nơi rốn bể lẻn vào cửa trai, cái hạt buốt sắc, hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình, hạt đau hạt xót; hạt cát khối tình con, một hạt ngọc tròn trặn ánh ngời.* Qua đó, người viết vừa tái hiện cụ thể, sinh động mà chân thực quá trình hình thành hạt ngọc trong lòng những con trai nơi đáy đại dương vừa giúp người đọc hình dung quá trình ấy cũng giống như quá trình hoài thai, mang nặng đẻ đau của con người.

**Câu 3.** Toàn bộ văn bản đã tập trung tái hiện quá trình sáng tác tạo đầy đau đớn mà kì diệu tuyệt vời của con trai nơi đáy đại dương.

**Câu 4**. Đoạn văn bản đã tập trung thể hiện rõ đặc điếm nối bật trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân là: *sự tài hoa, uyên bác cùng kho chữ nghĩa phong phú, giàu có.*

**2. Dạng đề cấu trúc mới**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*1. “Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam. Ai đã nghĩ đầu tiên dùng cốm làm quà sêu tết. Không còn gì hợp hơn với sự vấn vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi…Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để được hạnh phúc lâu bền.*

*{..}*

*2. Cốm không phải là thức quà của người vội, ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ấm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng, trời sinh ra sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh ra cốm nằm ủ trong lá sen. Khi các cô gái Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào”.*

*(Trích Hà Nội băm sáu phố phường - Thạch Lam, sách Thạch Lam văn và đời, NXB. Hà Nội, 1999, tr. 337-338)*

**Câu 1:** Văn bản Một thứ quà của lúa non: Cốm thuộc thể loại gì?

A. Kí sự B. Truyện ngắn **C. Tùy bút**  D. Hồi kí

**Câu 2:** Văn bản sử dụng chủ yếu phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự **B. Biểu cảm** C. Miêu tả D. Nghị luận

**Câu 3:** Bài văn viết về cốm từ những phương diện nào?

A. Cội nguồn của cốm B. Giá trị của cốm

C. Sự thưởng thức cốm **D. Tất cả đều đúng**

**Câu 4. Nội dung của đoạn văn 1 trên là gì?**

A. Miêu tả cách thức làm cốm B. Bàn luận về cách làm cốm

**C. Ca ngợi giá trị của cốm** D. Kể về nguồn gốc của cốm

**Câu 5:** Đặc sắc về nghệ thuật của văn bản Một thứ quà của lúa non: Cốm là:

A. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ có giá trị biểu cảm cao

**B. Giọng văn tinh tế, nhẹ nhàng, giản dị mà sâu sắc**

C. Ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn

D. Lập luận chặt chẽ, sắc sảo.

[**Câu 6**. Câu văn nói rõ nhất giá trị đặc sắc chứa đựng trong hạt cốm?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/cau-van-noi-ro-nhat-gia-tri-dac-sac-chua-dung-trong-hat-com-a-com-la-thuc-qua-62736)

**A. Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam.**

B. Không còn gì hợp hơn với sự vấn vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi.

C. Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già.

D. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để được hạnh phúc lâu bền.

**Câu 7**. Đặc sắc của đoạn văn trên là

A. Sử dụng nhiều tính từ có giá trị biểu cảm cao

B. Sử dụng ngôn từ tinh tế, giàu giá trị biểu cảm

C. Phát hiện ra giá trị văn hóa ẩn chứa trong thức quà giản dị

**D. Cả 3 ý trên**

**Câu 8.** Theo tác giả Một thứ quà tặng của lúa non: Cốm để giữ hương vị riêng cần phải bao bọc bọc cốm bằng loại lá nào?

A. Lá chuối **B. Lá sen**  C. Lá Khoai D. Lá lúa



**Câu 9.** Tại sao tác giả nói rằng: cốm không phải thức quà của người vội? Trong cảm nhận của tác giả, cốm là sự tổng hợp của nhiều hương vị, đó là những hương vị gì?

[Theo em, văn bản “Một thứ quà của lúa non: Cốm” muốn gửi đến người đọc những thông điệp gì?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-7/mot-thu-qua-cua-lua-non-com-muon-gui-den-nguoi-doc-nhung-thong-diep-gi.jsp)

**Câu 10**. [Trong văn bản “Một thứ quà của lúa non: Cốm”, vì sao cốm được chọn là quà siêu tết?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-7/vi-sao-com-duoc-chon-la-qua-sieu-tet.jsp)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | C | B | D | C | B | A | D | B |   **Câu 9.**  - Sở dĩ tác giả nói rằng, cốm không phải thức quà của người vội là bởi: Ăn cốm phải ăn thong thả, từ từ chút ít, vừa ăn vừa ngẫm nghĩ mới có thể cảm nhận được cái hương vị phong phú kết tinh trong món ăn này.  - Hơn nữa trong cảm nhận của tác giả, cốm còn là sự tổng hợp của nhiều hương vị, đó là mùi thơm phức của lúa mới, cua hoa cỏ dại, chất ngọt của cốm, mùi thơm của lá sen già bọc cốm.  - Nhà văn muốn gửi đến người đọc một thông điệp: nên giữ gìn những nét đẹp văn hóa của dân tộc  **Câu 10.**  - Cốm thích hợp với lễ vật siêu tết bởi cốm là thức dâng của đất trời, mang trong nó hương vị vừa thanh nhã vừa đậm đà hương vị của đồng quê nội cỏ. Nó còn thích hợp với lễ nghi văn hóa nông nghiệp lúa nước. |

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biền bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam - đông bắc, phía đó, nơi cuối con đường, nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non. Giáp mặt thành phố ở Cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu. Và như vậy, giống như sông Xen của Pa-ri, sông Đa-nuýp của Bu-đa-pét sông Hương nằm ngay giữa lòng thành phố yêu quí của mình Huế trong tổng thể vẫn giữ nguyên dạng một đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông. Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương tỏa đi khắp phố thị, với những cây đa, cây cừa cổ thụ tỏa vầng lá u sầm xuống những xóm thuyền xúm xít từ những nơi ấy, vẫn lập lòe trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được. Những chi lưu ấy, cùng với hai hòn đảo nhỏ trên sông đã làm giảm hẳn lưu tốc của dòng nước, khiến cho sông Hương khi qua thành phố đã trôi đi chậm, thực chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh. Tôi đã đến Lê-nin-grát, có lúc đứng nhìn sông Nê-va cuốn trôi những đám băng lô xô, nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân mỗi phiến băng chờ một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân, thích thú với những hành khách tí hon của nó băng băng lướt qua trước cung điện Pê-téc-bua cũ để ra bể Ban-tích. Tôi vừa từ trong khói lửa miền Nam đến đây, lâu năm xa Huế, và chính Lê-nin-grát đã đánh thức trong tâm hồn tôi giấc mơ lộng lẫy của tuổi dại ôi, tôi muốn hóa làm một con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thủy tinh để đi ra biển. Tôi cuống quýt vỗ tay, nhưng sông Nê-va đã chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng ta đang ngẩn ngơ trông theo. Hai nghìn năm trước, có một người Hi Lạp tên là Hê-ra-clít, đã khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh, thế vậy! Lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quí điệu chảy lặng lờ của nó khi ngang qua thành phố. Đấy là điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế, có thể cảm nhận được bằng thị giác qua trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng.*

*Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. Đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày, hoặc trên sân khấu nhà hát. Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya. Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này, với một phiến trăng sầu. Và từ đó, những bản đàn đã đi suốt đời Kiều. Tôi đã chứng kiến một người nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỉ, một buổi tối ngồi nghe con gái đọc “Kiều”: “Trong như tiếng hạc bay qua - Đục như tiếng suối mới sa nửa vời” … Đến câu ấy, người nghệ nhân chợt nhổm dậy vỗ đùi, chỉ vào trang sách Nguyễn Du mà thốt lên: “Đó chính là “Tứ đại cảnh!”.*

*Rời khỏi kinh thành, sông Hương chếch về hướng chính bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ. Và rồi, như sực nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ. Đối với Huế, nơi đây chính là chỗ chia tay dõi xa ngoài mười dặm trường đình.*

*Riêng với sông Hương, vốn đang xuôi chảy giữa cánh đồng phù sa êm ái của nó, khúc quanh này thực bất ngờ biết bao. Có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây; và để nhân cách hóa nó lên, tôi gọi đấy là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu. Và giống như nàng Kiều trong đêm tình tự, ở ngã rẽ này, sông Hương đã chí tình trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả: “Còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ…”. Lời thề ấy vang vọng khắp lưu vực sông Hương thành giọng hò dân gian; ấy là tấm lòng người dân nơi Châu Hóa xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở.*

*(Trích Ai đã đặt tên cho dòng sông - Hoàng Phủ Ngọc Tường*

**Câu 1:** Văn bản Ai đã đặt tên cho dòng sông? được viết theo thể loại nào?

A. Tùy bút. B. Kí sự. C. Hồi kí. **D. Bút kí.**

**Câu 2:**  Bài kí Ai đã đặt tên cho dòng sông? gần gũi với thể loại nào nhất?

A. Hồi kí B. Phóng sự **C. Tùy bút**  D. Truyện ngắn

**Câu 3:**Bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông? được viết tại Huế. Đúng hay sai?

**A. Đúng** B. Sai

**Câu 4:**Giá trị nội dung của đoạn trích Ai đã đặt tên cho dòng sông?

A. Là một áng văn đẹp làm nên từ tình yêu đất nước say đắm, thiết tha của một con người muốn dùng văn chương để ca ngợi vẻ đẹp vừa kì vĩ, hào hùng, vừa trữ tình, thơ mộng của thiên nhiên.

**B. Là đoạn văn xuôi súc tích và đầy chất thơ. Nét đặc sắc làm nên sức hấp dẫn của đoạn văn là những cảm xúc sâu lắng được tổng hợp từ vốn hiểu biết phong phú về văn hóa, lịch sử, địa lí và văn chương cùng một văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa.**

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

**Câu 5:**Nhịp điệu chậm rãi, lặng tờ của dòng sông Hương khi chảy qua thành phố Huế được tác giả so sánh với:

**A. Điệu slow tình cảm, trữ tình**

B. Những đám băng trôi trên sông Nê-va qua các cung điện Pê-téc-bua để ra biển Ban-tích

C. Người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya trên dòng sông Hương

D. Nhưng hoa đăng bồng bềnh chao nhẹ trên mặt nước trong những đêm hội rằm tháng Bảy.

[**Câu 6**. Nhân vật chính trong truyện Ai đã đặt tên cho dòng sông?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/nhan-vat-chinh-trong-truyen-ai-da-dat-ten-cho-dong-song-b-cai-toi-cua-tac-gia-19293)

A. Dòng Sông Hương **B. Cái tôi của tác giả**

C. Thiên nhiên xứ Huế. D.Con người xứ Huế

**Câu 7:** Tác giả đã không dùng hình ảnh nào để diễn tả sông Hương khi đi trong lòng thành phố Huế?

A.  Chảy lặng lờ

B. Ngập ngừng như muốn đi, muốn ở

C. Mặt nước như vấn vương của một nỗi lòng

**D. Như sực nhớ lại một điều chưa kịp nói**

**Câu 8:** Trong phần miêu tả dòng sông Hương ở rừng già phía thượng nguồn, tác giả văn bản Ai đã đặt tên cho dòng sông? đã nêu lên đặc điểm gì trong "phần tâm hồn sâu thẳm" của dòng Hương giang?

A. Sông Hương mang trong mình một sự dịu dàng, đằm thắm.

B. Sông Hương mang một sắc đẹp "dịu dàng và trí tuệ" của một người phụ nữ chín chắn, "người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở".

**C. Sông Hương mang một vẻ đẹp phóng khoáng và man dại, "một tâm hồn tự do và trong sáng" của một cô gái trẻ trung đầy sức sống.**

D. Sông Hương, từ lúc mới ra đời, đã có mối dây liên hệ, gắn bó kì lạ với thành phố Huế.

**Câu 9. Nêu cảm nhận về hình tượng nhân vật “tôi” trong đoạn trích.**

**Câu 10.** Nêu cảm nhận về vẻ đẹp của dòng sông Hương được thể hiện trong đoạn trích. Đoạn trích cho thấy tình cảm, thái độ gì của tác giả đối với sông Hương và xứ Huế?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | D | C | A | B | A | B | D | C |   **Câu 9.** Trong đoạn trích, hình tượng nhân vật “tôi” hiện lên là một người nhạy cảm, tài hoa, gắn bó sâu sắc bằng một tình yêu nồng nàn, sâu đậm với sông Hương và xứ Huế thơ mộng.  **Câu 10.** Sông Hương đoạn chảy qua vùng đồng bằng và ngoại vi thành phố hiện lên với vẻ đẹp vừa mạnh mẽ vừa dịu dàng vừa cổ kính, trầm mặc đậm chất Huế. Đoạn trích thể hiện tình yêu, sự gắn bó và tự hào của nhà văn về vẻ đẹp của dòng sông quê hương. |

**ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

**MÙA XUÂN CỦA TÔI**

*{...} Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

*{...} Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. {...}*

(*Trích “Mùa xuân của tôi” – Vũ Bằng)*

**Câu 1:** Đoạn trích trên được viết theo thể loại nào?

**A. Tùy bút.** B. Kí sự. C. Hồi kí. D. Bút kí.

**Câu 2.**Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

**A.** Miêu tả. B. Nghị luận. **C. Biểu cảm** D. Tự sự.

**Câu 3.** Tác giả đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

A. Miền Trung. B. Miền Nam. C**. Miền Bắc.** D. Tây Nguyên.

**Câu 4.**Câu văn nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

**A. “Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến”.**

B. “Mùa xuân của tôi [...] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [...]”.

C. “Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn [...]”.

D. “[...] Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng [...]”.

**Câu 5**. Trong câu văn: “Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong” từ “phong” có nghĩa là gì?

A. Oai phong. **B. Bọc kín** C. Cơn gió. D. Đẹp đẽ.

**Câu 6.** Trong đoạn trích trên, tác giả yêu thích nhất mùa xuân vào thời điểm nào?

**A. Sau rằm tháng giêng.** B. Vào ngày mùng một đầu năm.

C. Trong khoảng vài ba ngày Tết. D. Trước rằm tháng giêng.

**Câu 7.**Câu nào không nêu đúng đặc điểm thiên nhiên mùa xuân ở xứ Bắc trong đoạn trích trên?

A. Ra giêng, trời đã hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn.

B. Trời có mưa riêu riêu và gió lành lạnh.

**C. Gió đông về, báo hiệu mùa xuân mới đã bắt đầu.**

D. Cỏ tháng giêng nức một mùi hương man mác.

**Câu 8.**Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích trên?

**A. Điệp ngữ.** B. Nhân hóa. C. Ẩn dụ. D. So sánh.

**Câu 9.** Vào mùa xuân, đặc biệt dịp lễ, Tết, nhân dân thường có tục lệ dâng những sản vật, thức quý lên bàn thờ ông bà, tổ tiên. Em hãy kể tên một văn bản cũng gợi nhắc đến truyền thống này của dân tộc.

**Câu 10**. Nói về mùa xuân, Vũ Bằng đã viết "Tự nhiên là thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân". Nêu quan điểm riêng của em về mùa xuân và lí giải điều đó?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | C | C | A | B | A | C | A |   **Câu 9**. Văn bản gợi nhắc đến truyền thống tục lệ dâng những sản vật, thức quý lên bàn thờ ông bà, tổ tiên: Truyền thuyết “Bánh chưng, bánh giầy”  **Câu 10**. Cũng như tác giả Vũ Bằng nhận định về mùa xuân, mùa xuân đối với tôi cũng đẹp như vậy. Mùa xuân đến, vạn vật sinh sôi nảy nở sau một mùa đông kéo dài và lạnh lẽo, những tia nắng đầu tiên của năm mới, một mùa xuân mới với nhiều những thay đổi, thiên nhiên trong xanh và mượt mà, không khí trong lành và mang hơi thở tươi mới. Tháng giêng là tháng đầu tiên của mùa xuân, ai cũng yêu mến bởi sự dễ chịu. Mỗi năm, lúc nào cũng vậy, mùa xuân được con người hóa hức chờ đón mong một mùa xuân may mắn, một năm mới bình ăn và mọi điều tốt lành, cũng là khởi đầu mới cho sự thành công sau này. |

**ĐỀ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Tôi yêu Sài Gòn da diết… Tôi yêu trong nắng sớm, một thứ nắng ngọt ngào, vào buổi chiều lộng gió nhớ thương, dưới những cây mưa nhiệt đới bất ngờ. Tơi yêu thời tiết trái chứng với trời đang ui ui buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thủy tinh. Tôi yêu cả đêm khuya thưa thớt tiếng ồn. Tôi yêu phố phường nào động, dập dìu xe cộ vào những giờ cao điểm. Yêu cả cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương với làn không khí mát dịu, thanh sạch trên một số con đường còn nhiều cây xanh che chở…*

*(Sài Gòn tôi yêu - Minh Hương)*

**Câu 1:** Đoạn trích trên được viết theo thể loại nào?

**A. Tùy bút.** B. Kí sự. C. Hồi kí. D. Bút kí.

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Miêu tả và nghị luận B. Biểu cảm và thuyết minh

**C. Miêu tả và biểu cảm**  D. Thuyết minh và biểu cảm

**Câu 3:** Tác giả không cảm nhận về Sài Gòn qua phương diện nào?

A. Thiên nhiên B. Thời tiết, khí hậu

**C. Phong tục tập quán**  D. Phong cách sống

**Câu 4**. Đoạn văn trên đã sử dụng điệp từ "tôi yêu..." mấy lần?

A. 4 **B. 5**  C. 6 D. 7

**Câu 5:** Ý nào không đúng với nội dung văn bản?

A. Sài Gòn là thành phố trẻ trung, năng động có nét hấp dẫn riờng của thiên nhiên, con người.

B. Người Sài Gòn có phẩm chất cởi mở, bộc trực, chân tình và trọng đạo nghĩa.

**C. Sài Gòn là thành phố cổ kính.**

D. Thể hiện tình cảm sâu đậm của tác giả với Sài Gòn qua sự gắn bó lâu bền, am hiểu tường tận và cảm nhận tinh tế.

**Câu 6:** Những nét nghệ thuật đặc sắc của văn bản?

A. Dùng thể tuỳ bút để bộc lộ cảm xúc thiết tha, nồng nhiệt.

B. Lời văn giàu hình ảnh, từ ngữ mang màu sắc địa phương.

C. Sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật: điệp từ, nhân hoá, so sánh.

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 7.** Nội dung chính của đoạn trích tên?

A. Miêu tả những vẻ đẹp riêng của thành phố Sài Gòn

**B. Bộc lộ tình cảm sâu sắc của tác giả với thành phố Sài Gòn**

C. Bình luận những vẻ đẹp riêng về vùng đất Sài Gòn

D. Giới thiệu những nét riêng về thiên nhiên khí hậu Sài Gòn.

**Câu 8**. Từ nào không phải là từ láy

A. Da diết B. Dập dìu C. Thưa thớt **D. Phố phường**

**Câu 9.** [Tình cảm của tác giả với Sài Gòn đã được thể hiện như thế nào trong văn bản “Sài Gòn tôi yêu”?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-7/tinh-cam-cua-tac-gia-voi-sai-gon-duoc-the-hien-nhu-the-nao.jsp)

**Câu 10**. [Qua đoạn trích trên hãy cho biết nét đặc trưng của phong cách người Sài Gòn là gì?](https://haylamdo.com/soan-van-lop-7/net-dac-trung-cua-phong-cach-nguoi-sai-gon-la-gi.jsp)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mỗi ý trả lời đúng từ câu 1-8 được 0.5 điểm câu 9-10 được 1 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | **Đáp án** | A | C | C | B | C | D | B | D |   **Câu 9.** Tình cảm của tác giả với Sài Gòn được thể hiện là một tình yêu nồng nhiệt, sâu sắc, yêu từ những gì gần gũi, thân quen, từ thiên nhiên đến con người, đến cả những “trái chứng giở trời” của thời tiết trong tâm trí tác giả cũng trở nên thành những cái đáng nhớ, đáng yêu.  **Câu 10**.  Tác giả đã đánh giá: đây là nơi hội tụ của con người ở khắp bốn phương nhưng đã hoà hợp, không còn phân biệt nguồn gốc mà chỉ còn là những người con của Sài Gòn.  - Phong cách nổi bật của con người Sài Gòn được tác giả khái quát là tự nhiên, chân thành, bộc trực, khỏe khoắn, cởi mở, mạnh bạo, mà vẫn ý nhị. Vừa ý tứ mà lại mang những nét đẹp cổ xưa song vẫn toát lên tinh thần dân chủ.  - Người Sài Gòn còn hào phóng mở rộng, sẵn sàng dang tay đón nhận người khắp mọi nơi về Sài Gòn sinh sống lập nghiệp, dân số Sài Gòn đã leo lên tới 5 triệu. |

**3. Viết kết nối với đọc**

Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trả lời cho câu hỏi: *Phải chăng lòng yêu nước của mỗi người chỉ cần thể hiện khi Tổ quốc bị xâm lăng?*

**Đoạn văn tham khảo**

Lòng yêu nước là một trong những truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Lòng yêu nước là tình cảm yêu thương, gắn bó sâu nặng và tinh thần, trách nhiệm bảo vệ, dựng xây đất nước của con người trên đất nước đó. Đối với dân tộc Việt Nam, lòng yêu nước tồn tại trong tất cả người dân Việt Nam bởi truyền thống yêu thương, giàu lòng nhân ái, đoàn kết và biết ơn. Lòng yêu nước của con người Việt Nam được thể hiện rõ qua những tấm gương của biết bao vị anh hùng, chiến sĩ, những người nông dân dũng cảm, can trường xả thân vì độc lập tự do của đất nước. Không chỉ vậy, lòng yêu nước còn được thể hiện ở những cố gắng cống hiến tri thức, tiền bạc để dựng xây và phát triển đất nước ngày một giàu đẹp. Ý nghĩa của lòng yêu nước đối với công cuộc bảo vệ và dựng xây xã hội chủ nghĩa được minh chứng bằng những thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta trước giặc ngoại xâm, bằng những thành tựu khoa học công nghệ, giáo dục… mà chúng ta đạt được từ xưa đến nay. Vì thế dù là khi Tổ quốc bị xâm lăng, hay là thời bình thì lòng yêu nước luôn phải tồn tại và sục sôi trong mỗi con người Việt Nam.

**BÀI 2: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (MỘT SẢN PHẨM VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG TRONG CUỘC SỐNG HIỆN TẠI)**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Học sinh trình bày được ý kiến về một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại. Hoạt động nói và nghe được kết nối với hoạt động đọc (Chủ đề vẻ đẹp cổ điển, đặc biệt là ở Văn bản 3. Ca Huế trên sông Hương)

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, đưa ra ý kiến của về vấn đề

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng của kiểu bài để hoàn thành các yêu cầu của bài tập.

**3. Phẩm chất:**

- Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một cuốn truyện lịch sử.

**B. NỘI DUNG**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Trước khi nói**

- Lựa chọn một sản phẩm văn hóa mà em yêu thích: Có thể chọn một sản phẩm văn hóa riêng của vùng, miền nơi em sống (danh lam thắng cảnh, trang phục dân tộc, lễ hội, món ăn truyền thống, làng nghề…) hoặc một sản phẩm văn hóa chung của đất nước (bánh chưng ngày Tết, múa rối nước, áo dài Việt Nam, phở…).

- Để nêu được ý kiến xác đáng, em cần tìm hiểu về nguồn gốc, đặc điểm, giá trị của sản phẩm văn hóa truyền thống được lựa chọn trong cuộc sống hiện tại.

- Em có thể tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như:

Em sẽ trình bày ý kiến về phương diện nào của sản phẩm văn hóa truyền thống?

Ý kiến của em là gì?

Vì sao em có ý kiến như vậy?

**2. Dàn ý bài nói**

**a. Phần Mở đầu:** Giới thiệu tên sản phẩm văn hóa truyền thống và nêu khái quát ý kiến của em về sản phẩm văn hóa đó trong cuộc sống hiện tại.

**b. Nội dung bài nói**

+ Nêu ngắn gọn một số thông tin cơ bản về sản phẩm văn hóa truyền thống: nơi ra đời của sản phẩm, vị trí của sản phẩm, ý nghĩa của sản phẩm…

+ Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về sản phẩm văn hóa truyền thống (của quê hương, đất nước). Tùy theo đề tài và thời gian, có thể chọn trình bày ý kiến về một vài khía cạnh: hiện trạng, giá trị, hướng bảo tồn, phát triển… sản phẩm văn hóa đó trong cuộc sống hiện tại. Chú ý đưa ra các lí lẽ, bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến của em.

+ Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt…) và điều chỉnh ngữ điệu nói cho phù hợp.

Kết luận: Khẳng định ý nghĩa của sản phẩm văn hóa truyền thống đối với cuộc sống hiện tại.

**c. Kết thúc bài nói**

- Lời cảm ơn mọi người đã lắng nghe.

**BÀI NÓI THAM KHẢO 1**

**1. Mở đầu bài nói**

Kính chào thầy cô và các bạn. Em xin tự giới thiệu Em là... học sinh lớp… trường...

Dân gian Việt nam có câu:

*“Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ  
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh”*

Đó là đôi câu đối thân quen khi nói về những nét đặc trưng nhất trong ngày Tết nguyên đán của người Việt từ bao đời nay. Trong đó, chiếc bánh chưng xanh đã trở thành biểu tượng ẩm thực truyền thống mỗi dịp Tết của cả dân tộc và được bạn bè khắp năm châu biết đến. Bánh chưng không chỉ là món ăn mà còn là mang rất nhiều ý nghĩa đậm chất dân tộc ngày tết. Cùng tìm hiểu nguồn gốc, ý nghĩa của những món bánh này bạn nhé!

**2. Nội dung bài nói**

Bánh chưng là một trong những món ăn không thể thiếu trong mỗi gia đình Việt Nam mỗi dịp Tết đến xuân về. Từ bao đời nay, bánh chưng đã như một món ăn gắn bó, sum vầy, mang đậm hương vị Tết cổ truyền dân tộc.

Trong tâm thức người Việt, chiếc bánh chưng vuông nhỏ bé không còn đơn thuần là món ăn mà đã trở thành nét đẹp của con người Việt Nam, gắn liền với truyền thuyết dân tộc lâu đời và mang nhiều ý nghĩa sâu xa về vũ trụ, nhân sinh. Là một món ăn truyền thống của người Việt, bánh chưng được ví như linh hồn của bữa cơm ngày trọng đại, đặc biệt là ngày tết. Bánh chưng được người Việt sáng tạo ra gắn liền với sự tích bánh chưng bánh giầy. Theo truyền thuyết, bánh chưng bánh dầy có từ thời Vua Hùng Vương thứ 6. Vua muốn truyền ngôi cho con, nhân dịp đầu xuân, mới hội các con mà bảo rằng: “Con nào tìm được thức ngon lành để bày cỗ dâng cúng tổ tiên có ý nghĩa hay thì ta truyền ngôi cho”. Lang Liêu – người con trai thứ sáu của vua Hùng bỗng nằm mơ thấy Thần Đèn bảo: *“Trong trời đất không có gì quí bằng gạo, là thức ăn nuôi sống người. Nên lấy gạo nếp làm bánh hình tròn và hình vuông, để tượng trưng Trời Đất. Lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột để tượng hình cha mẹ sinh thành*”. Lang Liêu tỉnh dậy, mừng rỡ làm theo lời Thần dặn, chọn gạo nếp, đậu xanh thật tốt, thịt lợn (heo) ba rọi dày thật tươi. Đến hẹn, các lang (con vua) đều đem cỗ tới, đủ cả sơn hào hải vị. Lang Liêu chỉ có bánh Dầy bánh Chưng. Vua lấy làm lạ hỏi, ông đem thần mộng tâu lên. Vua nếm bánh, thấy ngon, lại khen có ý nghĩa hay, bèn truyền ngôi cho Lang Liêu, tức đời vua Hùng Vương thứ bảy. Từ đó, cứ đến Tết nguyên đán hay các đám cưới, thờ cúng, lễ hội... dân gian bắt chước làm bánh chưng, bánh dầy sau thành tục lệ để cúng Tổ tiên, cúng Trời Đất.

Chính vì vậy bánh chưng Tết đã xuất hiện ở mâm cỗ thờ từ rất lâu, để thể hiện sự biết ơn trời đất đã cho mưa thuận gió hòa để mùa màng bội thu đem lại cuộc sống ấm no cho con người. Bên cạnh đó, chiếc bánh chưng xanh còn gợi cho ta nhớ đến niềm mơ ước an cư lạc nghiệp của con người: nhân nhụy vàng, thịt mỡ chín… là màu mỡ của lúa chín đồng quê, của đời sống chăn nuôi an vui xóm làng.

Cùng với truyền thuyết xa xưa ấy, chiếc bánh chưng gói ghém trong đó là cả một nền văn minh nông nghiệp lúa nước, và là sản phẩm của trồng trọt và chăn nuôi. Bên ngoài là chiếc lá dong gói bánh có sẵn từ thiên nhiên, bên trong được chế biến từ nguồn nguyên liệu nấu ăn cội rễ của dân tộc: gạo nếp, đỗ xanh, hành, thịt lợn…

Bánh chưng tết cũng thể hiện được chữ hiếu của người con với cha mẹ, chính vì thế mà phong tục dùng bánh chưng làm quà biếu dâng lên cha mẹ cũng từ đây mà có. Đi cùng với bánh chưng bánh dày, trong ngày tết bày mâm ngũ quả thể hiện ngũ hành tương sinh tương khắc.

Trong ngày tết cổ truyền hình ảnh gia đình quây quần bên nồi bánh chưng thật là đẹp và ý nghĩa với tất cả chúng ta. Một cái tết sẽ không là chọn vẹn nếu thiếu màu xanh của bánh chưng, cuộc sống dù có bộn bề và nhiều lo toàn nhưng chiếc bánh chưng dâng lên bàn thờ gia tiên chắc chắn phải có.

Hơn nữa, bánh chưng Tết còn có ý nghĩa lớn về mặt dinh dưỡng. Với các nguyên liệu vô cùng bổ dưỡng như gạo nếp, đỗ xanh và thịt heo bánh chưng cung cấp cho chúng ta rất nhiều vi chất và vitamin bổ dưỡng cho cơ thể để chống chọi với cái lạnh mùa Đông ngày Tết. Cụ thể như đỗ xanh chứa chất thanh nhiệt giải độc giảm các hiện tương sưng tấy làm bánh chưng có vị thanh giúp cân bằng với độ béo của thịt và đồ nếp. Bên cạnh đó gạo nếp cung cấp lượng tinh bột lớn đồng thời có là một thực phẩm rất tốt cho gan.

Thông thường các gia đình Việt có thói quen gói bánh vào ngày 27 và 28 đây là khoảng thời gian kết thúc công việc sau cả 1 năm vất vả để chuẩn bị mọi thứ cho ngày tết. Đây chính là dịp để ông bà bố mẹ và con cháu xum vầy trước không khí rạo rực của mùa xuân, bánh chưng có ý nghĩa không chỉ về mặt dinh dưỡng mà nó chính là nét đẹp trong đời sống tinh thần của dân tộc ta.

Ngày xưa, bánh chưng chỉ có mặt mỗi dịp tết đến xuân về. Nhưng ngày nay, bất cứ lúc nào cũng có thể nhìn thấy hình ảnh chiếc bánh chưng. Cứ đến dịp lễ hội hoặc ngày trọng đại như cưới hỏi, bánh chưng có thể được đem vào thực đơn của mâm cơm gia đình.

Bánh chưng đã trở thành một nét văn hóa, một món ăn truyền thống và lâu đời ở Việt Nam. Nét độc đáo này đã góp phần làm đẹp hình ảnh Việt trong mắt bạn bè quốc tế. Dù ai xa quê cũng mong được về nhà bên nồi bánh chưng mỗi dịp giao thừa đón năm mới.

**3. Kết thúc bài nói**

Trên đây là bài nói của em về về bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam. Xin chân thành cảm ơn các thầy cô và các bạn đã lắng nghe!

**BÀI NÓI THAM KHẢO 2**

**1. Mở đầu bài nói**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tên em là... học sinh... trường...

**2. Nội dung bài nói**

Như các bạn đã biết bản sắc văn hóa dân tộc là giá trị cốt lõi nhất của nền văn hóa, thể hiện tâm hồn, cốt cách, tình cảm, lý trí, sức mạnh của dân tộc, tạo nên chất keo kết nối các cộng đồng người gắn bó, đoàn kết với nhau để cùng tồn tại và phát triển. Những giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc là một trong những động lực to lớn đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của quốc gia dân tộc.

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam được hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử dựng nước, giữ nước và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bản sắc văn hóa dân tộc là tổng hòa những giá trị văn hóa bền vững, phản ánh diện mạo, sắc thái, cốt cách, tâm hồn, tâm lý… của một dân tộc, được thường xuyên hun đúc, bổ sung và lan tỏa trong lịch sử dân tộc, trở thành tài sản tinh thần đặc sắc, tạo nên sức mạnh gắn kết cộng đồng và để phân biệt sự khác nhau giữa dân tộc này với dân tộc khác trong cộng đồng nhân loại.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực còn có mặt tiêu cực của nó đó là nguy cơ xói mòn, phai nhạt và biến dạng hệ thống giá trị trong bản sắc văn hóa dân tộc, sự ru nhập của lối sống tư sản, suy giảm thuần phong mĩ tục, sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Thanh niên là lực lượng xung kích, sáng tạo có vai trò quan trọng to lớn trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, họ là lực lượng trực tiếp tham gia bảo vệ, giữ gìn, bổ sung, phát triển và quảng bá những giá trị bản sắc văn hóa dân tộc thông qua việc thực hiện nội dung, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, để phát huy vai trò của thanh niên với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay chúng ta phải thực hiện có hiệu quả một số nội dung, biện pháp cơ bản sau:

Những giá trị tinh hoa văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được xây dựng và ghi nhận bởi những chiến công hi sinh thầm lặng của biết bao thế hệ người dân Việt Nam. Nó là kết tinh những gì là tinh túy nhất của dân tộc để rồi chính những giá trị đó lại lung linh tỏa sáng, soi sáng con đường chúng ta đi. Không chỉ bây giờ mà mãi mãi về sau những giá trị tinh hoa văn hóa của dân tộc sẽ là hành trang, động lực để cho thanh niên Việt Nam chúng ta tiến vào kỷ nguyên mới tô thắm nên truyền thống ngàn năm văn hiến của dân tộc.

**3. Kết thúc bài nói**

Trên đây là bài nói của em về bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam. Xin chân thành cảm ơn các thầy cô và các bạn đã lắng nghe!

**4. Sau khi nói**

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nghe** | **Người nói** |
| Trao đổi về bài nói với thái độ tôn trọng và tinh thần xây dựng:  - Nêu câu hỏi về những điểm còn băn khoăn xung quanh các ý kiến được trình bày trong bài nói.  - Bày tỏ sự đồng tình hoặc phản biện ý kiến của người nói về sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại.  - Nhận xét, đánh giá về nội dung và cách trình bày bài nói. | Lắng nghe ý kiến của người nghe, tiếp thu và phản hồi với thái độ lịch sự, tinh thần cầu thị:  - Giải thich những vấn đề người nghe chưa hiểu rõ hoặc còn băn khoăn.    - Trao đổi về những nhận xét, đánh giá em cho là chưa thỏa đáng.  - Tự rút kinh nghiệm để hoàn thiện kĩ năng chuẩn bị và trình bày bài nói. |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com